

# HUYỀN TÁN KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

## QUYỂN 4

### PHẦN ĐẦU

Nghĩa Nhất thừa chính là tông của bộ kinh, nay tóm lược chia ra năm môn:

- 1) Nêu thể tánh.
- 2) Giải thích danh tự.
- 3) Nói về ý nói.
- 4) Nói về sự khác nhau.
- 5) Nói về hỏi đáp.

**I. Thể tánh** lược có ba thứ:

- a. Thể bao gồm.
- b. Thể tùy theo thù thắng.
- c. Thể chân thật thể.

Thể bao gồm là: Tất cả vô lậu hoặc là chủng hoặc là hiện. Hữu vi, vô vi, hoặc nhân hoặc quả, căn bản, phương tiện có thể thành tựu, đức của Phật đều gọi là Nhất thừa. Nhất thừa tức là Đại thừa. Đại thừa tức là Vô thượng thừa. Cho nên kinh Thắng-man chép: Nhất thừa tức là Đại thừa. Trong luận này nói khai là nghĩa Vô thượng.

Nói theo luận Trung Biên thì phẩm Vô thượng thừa có ba Vô thượng:

1. Chánh hạnh vô thượng: Trong Mười độ tùy tu khác nhau có sáu chánh hạnh.

2. Sở duyên vô thượng có mười hai thứ sở duyên.

3. Tu chứng vô thượng: Nghĩa là trong chủng tánh tu chứng có mười thứ tu chứng, nhiếp chung tất cả các cảnh hạnh quả vốn có của Bồ tát. Cho nên trong kinh Thắng-man nói: A-la-hán và Bích-chi-phật vẫn còn lo sợ, còn quy y. Từ trí không rốt ráo thì gọi là hướng cõi Niết-

bàn.

Lại nói chánh pháp trụ, chánh pháp diệt, Ba-la-đề-mộc-xoa, Tỳ-ni, xuất gia, thọ Cụ túc. Sáu pháp này là nói vì Đại thừa. Cho nên biết là tất cả phương tiện căn bản, tất cả vô lậu hoặc chủng hoặc hiện. Hữu vi vô vi hoặc nhân hoặc quả, đều thành đức của Phật nên gọi là Nhất thừa. Ba thứ ý sanh thân đều xếp vào sơ địa.

- Thể tùy theo thù thắng: Đây có sáu thứ:

1. Nhiếp sự về lý. Trong kinh Niết-bàn Thắng-man thường gọi Phật tánh pháp thân chân lý là Nhất thừa. Cho nên trong kinh Thắng-man chép: Nhất thừa tức là Đại thừa. Đại thừa tức là Phật thừa. Phật thừa đó là cảnh giới Niết-bàn. Lại nói trong Hằng sa kiếp hành sáu Ba-la-mật, không bằng người nghe rồi thọ trì đọc tụng cho đến chấp trì kinh quyển. Huống chi có người vì người khác nói rộng kinh này, dùng hạnh hữu vi so với thừa vô vi.

Kinh Niết bàn chép: Nhất thừa là Phật tánh. Đây là diệt Hóa thành mà đến Đảo châu báu, chỉ gọi pháp thân chân như bình đẳng là Nhất thừa.

2. Lôi kéo trí khác trở về trí: Cũng lấy chân trí mà gọi là Nhất thừa.

Văn trên nói là: Phương tiện trí kiến đều đầy đủ. Các Bồ-tát bất thối số như Hằng sa cùng nhất tâm tư duy cần cầu cũng không thể đo lường trí Phật thể của trí phần nhiều là thể chánh, hậu đắc. Nếu ở nhân vị thì trí kém thức mạnh. Ở quả vị thì trí mạnh thức kém.

3. Ẩn yếu kém theo cao siêu: Kinh nói: Vì trí tuệ Phật nên Chư Phật xuất hiện ở đời, chỉ một sự thật này, hai thứ còn lại không phải thật. Đó là pháp trụ, pháp vị, tướng thế gian thường trụ. Ở đạo tràng biết rồi, Đạo sư phương tiện nói. Trong phẩm Phân biệt công đức chép: Có người vì đạo Vô thượng chánh đẳng Bồ đề thật hành năm pháp Ba-la-mật, không bằng có người một niệm sanh tín, công đức sở đắc không thể thí dụ được. Do vì hai thứ lý trí của quả vị Phật gọi là Nhất thừa. Bản hữu của lý là ngưng đọng. Lìa hết trói buộc thì gọi là Niết-bàn. Trí chiếu mới sanh ra quả viên mãn gọi là Chánh giác. Đó là cội nguồn của trí đức, diệu bản của Tam minh. Cho nên nói Phật vì trí kiến mà xuất hiện ở đời. Dùng hai lý trí làm thể Nhất thừa, trí tánh trí tướng hợp lại gọi là trí.

4. Hai vận dụng rộng: Chỉ lấy nhân trí mà gọi là Nhất thừa, như trong thí dụ nhà lửa, cùng các chúng Thanh văn Bồ-tát cưỡi xe báu này mà thẳng đến đạo tràng, chỉ có nhân lành.

5. Thủ thắng vượt ra thể phân đoạn: Chung ở nhân quả mà ra khỏi sanh tử phần đoạn, tất cả lý trí để làm Nhất thừa. Trong bốn nghĩa khai, thị, ngộ, nhập thì ba nghĩa trước là hai quả, một nghĩa sau là hai nhân, như trước đã nói, nên lược qua không nói.

Kinh Thắng-man cũng chép: Như thủ làm duyên nghiệp Hữu lậu làm tiếp nối hữu sau mà sanh ra tam hữu. Như thế vô minh tập địa làm duyên, nghiệp vô lậu làm nhân thì có A-la-hán, Độc giác Bồ tát đã được tự tại ba thứ ý sanh thân. Cho nên mà sanh ra. Vậy ý sanh thân là thừa của sở thừa gọi là trong nhân có hai. Trong nhiếp Đại thừa thì muôn hạnh chân như đều gọi là Đại thừa.

6. Dẫn nhiếp cao siêu: Vì nói bày hai ý yếu chỉ gọi là Nhất thừa. Giáo là tùy theo vật mà lập ra ý thú nhiệm mầu khó biết. Lý thì mượn trí thể sâu xa chẳng thể lường. Thế nên đầu phẩm Phương tiện gọi trí tuệ sở thuyên và giáo môn năng thuyên là Nhất thừa. Trong kinh Vô Lượng Nghĩa có mười bảy tên gọi thì tên gọi thứ mười bốn gọi là Nhất thừa. Do đây mà hoa sen, luận chép có hai nghĩa:

Một là thể lên khỏi mặt nước.

Hai là khai nở.

Trí tuệ dụ đầu và tuệ môn dụ sau, nếu chỉ lấy chân như làm Nhất thừa vươn ra khỏi mặt nước thì mất đi công năng thứ hai là khai nở. Nhưng hoa sen ở đây có đủ bốn nghĩa, vì sao pháp chỉ có hai thứ.

Thể chân thật: Căn bản Đại thừa giáo lý hành, quả và năng nhập phương tiện Đại thừa, bốn pháp đều gọi là Nhất thừa. Vì đều có công năng vận tải.

Giáo Căn bản là: Đầu phẩm này nói: “Môn Trí tuệ đó khó hiểu khó nhập”. Luận này giải thích: A-hàm sâu xa, lấy nghĩa hoa nở để dụ cho pháp mầu. Kinh dưới cũng nói kinh Pháp Hoa chứa nghĩa sâu xa, bền chắc. Trong Nhiếp Đại Thừa nói: Là kinh A-tỳ-đạt-ma Đại Thừa v.v...

Phương tiện giáo là: Cuối phẩm này nói: Hoặc gọi là Tu-đa-la, Già-đà, Bốn sự bốn sanh, vị tăng hữu. Cũng gọi là nhân duyên thí dụ và Kỳ-dạ, Ưu-bà-đề-xá kinh, chín bộ pháp này của ta đều thể nhập vào Đại thừa làm gốc. Thuận theo chúng sanh nói vì thế nói kinh này. Kinh Thắng-man cũng nói: “Chánh pháp trụ là Đại thừa, nên nói sáu xứ này: Tam Tạng Tiểu thừa đều là đại phương tiện”.

Căn bản lý: Là pháp tánh chân như, các hạnh như sáu độ... nương theo chân lý này mà có chỗ đến, nên gọi là Đại thừa. Trong kinh này chép: “Trí tuệ của Chư Phật sâu xa vô lượng”. Văn dưới cũng nói là

“pháp trụ, pháp vị, tướng thế gian thường trụ; nơi đạo tràng biết rồi Đạo sư phương tiện nói.” luận này chép: Niệm quán là người Đại thừa quán, pháp vô ngã pháp giới chân như bình đẳng cho nên vô tánh, cũng nói là hoặc nương vào đại tánh nên gọi là Đại thừa. Luận Biện Trung Biên chép: Pháp giới chân như gọi là Vô thượng sở duyên.

Phương tiện lý: Là lý bốn đế. Nhị thừa sở quán đều là lý phương tiện. Kinh Thắng-man chép: Thanh văn biết hữu tác bốn đế. Phật biết vô tác Bốn đế. Kinh Niết-bàn cũng nói Thanh văn hữu khổ hữu đế mà không có thật. Bồ-tát thì có đầy đủ. Luận này cũng nói: Niệm quán là Thanh văn quán người vô ngã. Do hai lý này đều là lý.

Căn bản hành Nhất thừa là: Sáu độ... Bồ-tát muôn hạnh. Bồ-tát Địa chép: Thất địa tu bốn hạnh Bồ-tát. Phẩm An lạc hạnh đều là Bồ-tát hạnh. Lại nói thừa là xe báu thẳng đến đạo tràng, tức là hành Đại thừa.

Nhiếp Đại thừa chép: Vừa thừa vừa đại nên gọi là Đại thừa.

Biện Trung Biên chép: Mười Ba-la-mật là chánh hạnh Vô thượng.

Phương tiện hành: Kinh Thắng-man cũng nói chánh pháp trụ vì Đại thừa mà nói. Theo Tam Tạng giáo thì tiến thiện diệt ác tu hạnh vô lậu đều gọi là hành Đại thừa.

Luận Pháp Hoa chép: Phương tiện là Thanh văn quán ấm, giới, nhập, nhằm khổ và xa lìa khổ. Bồ-tát tu sáu độ bốn nhiếp, hai lợi hành. Do hai hạnh này đều gọi là Nhất thừa.

Căn bản quả: Thân Phật sẵn có Bồ-tát Niết-bàn. Tức là hai thân pháp báo đã nói ở trước và hai kiến lý trí.

Kinh chép: “Nói trí tuệ Phật, cho nên Phật xuất hiện ở đời, chỉ một sự thật này, hai khác đều chẳng phải chân thật.” Lại nói: “Pháp trụ, pháp vị, tướng thế gian thường trụ. Ở đạo tràng biết rồi Đạo sư phương tiện chép.” Lại trong phẩm Thọ lượng chép: “Pháp, báo, hóa thân đều là quả Nhất thừa.” Biện Trung Biên nói trong mười pháp tu chứng, thứ bảy là Tịnh độ, thứ chín là cõi Phật, thứ mười là thị hiện Bồ-đề.

Quả Phương tiện đó là Niết-bàn, Bồ-đề của Nhị thừa. Kinh này nói: Sở hành của các ông là Bồ-tát đạo. Xe dê, xe hươu là vì người cầu xe trâu để ra khỏi nhà lửa, nên phương tiện đưa cho. Hóa thành ở giữa đường là nơi nghỉ ngơi để đến Đảo châu báu, do đó mà nói. Chỉ có một mà không có thừa nào khác.

Kinh Thắng-man cũng nói: Bốn trí Thanh văn, Duyên giác không rốt ráo thì gọi là hướng đến cõi Niết bàn. Nói được nơi nghỉ ngơi là dùng

bốn trí rất ráo mà đặc Niết-bàn. Đó là phương tiện của Phật. Quả Nhị thừa cũng là Nhất thừa. Do người đốn ngộ chánh là học căn bản giáo, lý, hạnh, quả. Gồm vì hàng phục giáo hóa người Nhị thừa: Nên cũng học các phương tiện giáo lý, hạnh quả. Đây là hàng tiệm ngộ mới học cho phương tiện rồi sau đó hồi tâm mới học căn bản, pháp sở học đồng vào trước sau hoàn toàn khác nhau. Cho nên biết chỉ có hai thứ Phật tánh, hai nhân lý trí, vô lậu hiện, chủng, hữu vi, vô vi, căn bản, phương tiện, tất cả giáo lý hạnh quả có thể thành Quả Phật đều là thể Nhất thừa. Hơn nữa, còn lấy các công đức hữu lậu Địa tiền và Mười địa, mà làm Nhất thừa vì không trái với Chánh lý. Luận Kinh Pháp Hoa và các bộ giáo lý khác, tùy nương vào một môn trong ba thứ thể này, mà nêu ra thể, chưa hẳn phải nhiếp hết. Nếu y vào giải thích trên bao gồm chung các văn kinh không đâu mà không cùng tận. Nhưng thể tánh này gồm có năm môn:

1. Thuyên chỉ phân biệt chung cả giáo và lý.
2. Nhân quả phân biệt chung cả hạnh và quả.
3. Trí phước phân biệt chung phước và trí.
4. Giác tịch phân biệt chung Diệt, Đạo đế Bồ-đề Niết-bàn.

5. Nhị lợi phân biệt chung cả tự lợi lợi tha. Đây nói Nhất thừa nên có nghĩa thông suốt. Nếu nói Phật thừa thì đề cao quả mà thủ nhiếp nhân. Nếu nói Bồ-tát thừa thì nêu nhân nhiếp quả; xưa danh không thông mà nghĩa bao gồm có. Lại do hành giả tu tập hai trí chánh thể, hậu đắc, quán hai lý sanh không, pháp không, dứt hai chương phiền não, sở trí, dứt hai sanh tử phần đoạn, biến dịch, chứng được hai quả Bồ-đề, Niết-bàn, tròn đầy đặc hai diệt: Vô dư, vô trụ, hành hai lợi: Tự lợi, lợi tha, đó gọi là quả mãn. Dứt hai chương thuộc về tập đế, dứt hai sanh tử thuộc về khổ đế, tu hai trí, chứng Bồ-đề thuộc về Đạo đế, quán hai lý đặc hai diệt, chứng Niết-bàn là sở nhiếp của diệt đê. Sở hành nhị lợi nhiếp cả diệt đạo đế. Hợp diệt đạo này gọi là Nhất thừa. Cho nên Luận này giải thích ở trong giá là: Không Nhị thừa đó là không có Niết-bàn của Nhị thừa. chỉ có Phật mới chứng đại Bồ-đề. Rốt ráo đầy đủ tất cả trí tuệ gọi là Đại Niết-bàn, chỉ một Phật thừa. Kinh Bát-nhã thì lấy ba việc vô minh là Ma-ha Bát-nhã pháp thân, giải thoát gọi là Đại Niết-bàn. Cho nên Nhất thừa lấy nhị đế làm thể.

**II. Giải thích danh tự:** Thừa có nghĩa vận chuyển. Cho nên trong Quảng Nhã gọi là Thừa giá (cưỡi).

Chu Lễ nói: Thừa là chuyển chở, chuyên chở hành giả đến bờ kia. Cho nên kinh này nói: Cưỡi xe báu này thẳng đến đạo tràng. Nhiếp luận

cũng nói: Sáu độ muôn hạnh vừa là thừa vừa là đại. Pháp tánh chân như là sở thừa đại tánh. Sự, lý đều có thể vận chuyển hành giả, tự vận chuyển mình và người khác đến bờ kia là thừa.

Hỏi: Nhân hành có thể vận chuyển đến quả vị thì gọi là thừa. Quả Phật tự vận chuyển nghỉ ngơi, lẽ ra chẳng phải thể của thừa ấy.

Đáp: Có năm nghĩa:

1. Vận chuyển nên gọi là thừa. Trong nhân có hai nghĩa vận chuyển đến quả, và rộng vận chuyển người khác. Do đây cũng gọi là thừa.

2. Là thể, năng, có cả hai nghĩa vận. Năng thể đều gọi là thừa. Trong quả thể có năng chẳng phải không có năng cũng thuộc về thừa. Như cắt thì gọi là dao có công năng cắt tức thuộc về dao, không cần phải thấy việc cắt có công năng không phải là dao. Thể năng quả đức của Phật đều có hai nghĩa vận chuyển. Chẳng cần phải rộng dùng mới gọi là thừa.

3. Nhị thừa tự mình vận chuyển ít còn gọi là thừa. Hướng chi quả Phật vận chuyển nhiều người đầu lý nào chẳng thuộc về thừa.

4. Trong nhân thì trí và lý đều vận chuyển cả hai dụng đều cao quý nên gọi là thừa. Trong quả thì trí và lý do tu mà thành do chủng loại của thừa mà cũng thuộc về.

5. Trong nhân hai nghĩa vận chuyển thường tăng tiến, tác dụng hiện hành cao siêu được gọi là thừa. Trong quả tự vận chuyển đến tận đời vị lai khiến người khác cùng tăng tiến được gọi là thừa.

Bốn nghĩa đầu tùy theo người mà không chánh đáp. Một nghĩa sau tùy theo mình mà chánh đáp. Cho nên Đối pháp luận chép: Tự tha cùng có lợi, mà làm sở y. Nhất thừa có ba nghĩa:

1. Chọn riêng nên gọi là nhất.

2. Phá sự phân biệt nên gọi là nhất.

3. Hội biệt nên gọi là nhất.

Chọn riêng gọi là nhất, trước kia nói ba bây giờ nói một. Cho nên biết lý sở thuyết là nhất mà là Thật. Giáo năng thuyết là hai tức gọi là quyền. Không phân biệt hai lý vì là rốt ráo. Vô ngã, giải thoát tuy đều bình đẳng, nhưng đạt đến Quả Phật mới gọi là rất rốt ráo lý sở thuyết của Phật trí gọi là nhất, chẳng phân biệt, ba chỉ không có hai cùng cực.

Luận giải thích là: Không có hai thừa đó là không có hai thể Niết-bàn. Nhưng trong kinh Phật nói: Ta lập ra phương tiện khiến được nhập vào trí Phật.

Lại nói: Ở trong nhà lửa trưởng giả hứa cho ba xe. Sau khi ra khỏi

cửa đưa xe trâu. Lại nói: Làm người hốt phân trải qua hai mươi năm, giả danh làm con. Cho nên người Nhị thừa chính là nhân đưa con thuộc về đích thật sau được giao gia sản. Lại dùng quả nhất, phân biệt với nhân ba. Tức có hai phân biệt:

1. Vì lý chọn giáo.

2. Vì quả chọn nhân tức nói: “Sở hành của các ông là đạo Bồ-tát”.

Vì Phá phân biệt nên gọi là nhất. Người Nhị thừa không biết Nhị thừa đó là phương tiện, nên chấp quả Nhị thừa cho là thật rất ráo. Nay nói Niết-bàn Nhị thừa chỉ là Hóa thành, nói Bồ-đề của Nhị thừa chỉ là xe hươu, xe dê phương tiện quyền giáo lập ra, chẳng phải là quả sở đắc sở chứng, Bồ-đề Niết-bàn rất ráo chân thật cao quý. Phá tình chấp kia có hai quả rất ráo, cho nên nói là nhất. Tức trong kinh nói: “Người cầu Ba thừa có lưới hoài nghi”. Phật dạy họ trừ diệt khiến không còn nghi ngờ. Ngài Thu Tử cũng nói: “Vì chúng con không hiểu Phật tùy nghi dùng phương tiện nói pháp. Đầu tiên nghe pháp Phật liền tin nhận, cho đến nay đã dứt hết nghi hối!”

Ngài Ca-diếp cũng nói: “Chúng con hôm nay đã đắc Niết-bàn, chứng pháp Bồ-tát, không còn tâm thích nghe pháp khác”.

Nhiếp Luận cũng nói: Người Nhị thừa tác ý dứt trừ bốn chướng, tức là chấp vào đây. Luận này này quyển cuối cũng chép: Phẩm Phương tiện thị hiện có năm phần, phá hai nêu một, không nói phá cả ba. Hoặc có thuyết nói: Phá cả ba chấp chứ chẳng phải chỉ phá hai. Như Tát-bà-đa chấp vào hóa thân Phật cho là Phật thật. Nay nói vì hóa thân, cho nên phá cả ba chấp. Giải thích này cũng không đúng. Kinh Pháp Hoa chỉ lấy phần sở tu sở đắc Nhất thừa làm tông. Cùng phá thừa kia để quy về Nhất thừa. Chẳng phải lấy một thân sở tri làm tông, cùng phá thân kia để nhập vào một thân, lại không chấp vào hóa thân kia là cùng tột mà cầu, càng không hướng cầu thân khác. Nay phá chấp đó để hướng cầu về một thân nên chỉ phá chấp Nhị thừa mà không phá chấp hai thân khác.

Cũng có nói giải thích: Xưa nghe nói ba, chấp ba đều là tột cùng. Nay nói một tột cùng là để phá chấp ba. Đây là từ Bồ-tát Địa tiền khởi lên. Nếu phá chấp Đại thừa lại nói là Nhất thừa, càng tăng thêm bịnh chấp sao gọi là phá. Lại khi chưa ra khỏi nhà lửa thì hứa cho xe trâu, cũng là phá Đại thừa, sau khi ra khỏi nhà, thì cho xe gì? Nếu nói cho xe trâu trắng mà bỏ xe trâu vàng cũ thì nên bỏ đốn học tiệm, tướng nhân hành của trâu trắng trâu vàng đâu có khác, vì đã trở về loại trâu cũ, là

nói không thể phá Đại. Nếu chấp một là rốt ráo không trái với hướng đại, thì đâu cần phá. Vì chấp Nhị thừa là cùng cực không hướng về Đại thừa, cho nên phải phá. Nếu tùy theo vị đắc liền chấp làm rốt ráo, chưa thấy hướng về Đại thừa, tức trong nhân có chấp này. Dù cho Trưởng giả hứa cho mà cũng phá, tức nên phá vô cùng. Do đây chỉ phá chấp Nhị thừa là rốt ráo. Lại chẳng phải phá chấp bốn thừa làm rốt ráo. Vì không có chủng tánh nói thừa trời, người, giải thích có bốn thừa mà không chấp là cùng cực, chấp hai thừa là cùng cực thì không khác với phá hai thừa trên, tức là người không chấp thừa trời, người là cùng cực. Người chấp thừa trời, người không hiểu thừa, hiểu thừa thì không chấp. Nếu một đối với bốn, mà một là năng lực phương tiện nên phá chấp một thừa mà quy về bốn thừa. Cũng chẳng phải phá năm. Chấp thừa bất định là đồng chấp cả ba vậy. Do đây mà kinh Thắng-man chỉ nói A-la-hán, Bích-chi-phật có lo sợ, có quy y. Nói đắc bốn trí và Niết-bàn đó là Phật phương tiện mà nói. Kinh này cũng nói chỉ một sự thật này, hai thứ còn lại chẳng phải thật. Thậm sai hai người và nơi nghỉ nói là hai. Dê hươu chẳng phải thật nên không nói; nói ba là từ hơn đến kém. Phật thừa là thứ nhất, Độc giác là thứ hai. Thanh văn thứ ba. Không có thứ hai Độc giác và thứ ba Thanh văn, chẳng phải không có thể rốt ráo Đại thừa trong Ba thừa. Xét trong bốn văn Phạn nói không có thứ hai thứ ba. Nay dịch lược không hai cũng không ba.

Có người hỏi: Kinh nói Biệt thể Tam bảo, không phá biệt thể mà quy về nhất thể. Vì sao phá Nhị thừa mà quy về Nhất thừa? Đây cũng không đúng. Nếu chấp biệt thể Tam bảo làm rốt ráo, cũng đồng là phá, hoặc thể biệt tướng Tam bảo cũng không có ba rốt ráo. Tuy như vậy mà cũng không cầu trụ vào biệt thể. Nhưng có thể hội biệt thể nhập vào đồng thể, rộng như trong kinh nói chẳng phải Tông quyền thật. Vì hội biệt cho nên gọi là nhất, giáo lý hạnh quả đều có căn bản và dùng phương tiện. Hội tiệm ngộ là trước người Nhị thừa tu thành đắc giáo lý, hành quả làm Đại phương tiện thừa vào luận này thì từ sơ địa trở lên đã lìa hết phần đoạn sanh tử. Từ kiến đạo trở xuống thì giáo lý hạnh quả là nhân căn bản của không lui sụt địa. Chung hợp hết các văn thì hội về một có bốn:

1. Hội giáo: Kinh Vô Cấu Xứng chép: Phật dùng một âm thanh giảng nói pháp, chúng sanh nơi nơi đều tùy theo đó mà hiểu, phần dưới kinh này nói:

Một cơn mưa gội nhuần, ba cỏ hai cây sanh trưởng không đồng. Đây hội giáo đồng mà căn cơ có khác. Ba thừa chấp giáo có riêng có



khấp.

2. Hội lý: Luận Bảo Tánh chép: Như ba loài thú là ngựa, voi và thỏ bơi qua sông. Tánh sông vốn không khác mà có sâu cạn. Lại kinh dưới có nói: Ví như ở vùng cao nguyên phải đục đá để lấy nước. Nếu thấy đất khô thì biết nước còn xa. Nếu thấy đất ẩm thì biết cách nước không xa. Nếu thấy bùn thì biết có nước đã rất gần. Tánh nước không khác mà được nước có khác. Đây hội lý đồng mà chứng có khác. Ba thừa chứng lý có viên có khuyết.

3. Hội hành. Ngài Thu Tử tự nói pháp rốt ráo là đạo sở hành. Phật cũng nói: Ta lập bày phương tiện, khiến được nhập vào trí tuệ Phật.

Kinh Thắng-man chép: Sáu xứ này là Đại thừa.

Thế nên biết tuy hành đồng mà tu có khác. Ba thừa tu hành có hoàn toàn, có từng phần.

4. Hội quả: Kinh này nói nơi nghỉ có hai: Giữa đường lập ra hóa thành, rồi từ đó đưa đến đảo châu báu mới là chỗ rốt ráo. Vì cầu xe trâu mà ra khỏi nhà lửa. Quyền biến mà lập ra xe dê xe hươu, sau cùng thì cho xe trâu.

Kinh Thắng-man cũng chép: Bốn trí của Thanh văn, Duyên giác là không rốt ráo gọi là hương côi Niết-bàn. Tức hội cả Bồ-đề Niết-bàn của Nhị thừa, hoặc trí hoặc lý mà quy về Nhất thừa, cho nên biết quả đồng mà chứng có khác. Ba thừa lấy quả thì có trước có sau. Tuy y vào các giáo hội chung bốn nghĩa này, nhưng trong kinh Pháp Hoa hiển hội giáo lý, mà thâm hội hành quả. Hội giáo lý, tức trước đã nêu trí tuệ Chư Phật và trí tuệ môn. Một trận mưa thấm nhuần tức hội giáo. Xe trâu, Đảo châu báu là hội lý. Đây dùng tên sở thuyên, gọi đây làm lý mà chẳng cần chân như. Muốn hiển bày pháp sở đắc sâu xa khó hiểu. Có chỗ nói ý thú khó biết chỗ đắc pháp đạo tràng không thể thưa hỏi. Ý của ta khó thể suy lường cũng không ai có thể hỏi được. Đây là nêu kinh Pháp Hoa mở cửa phương tiện, hiển bày tướng chân thật. Tức là Pháp là Hoa khai mở đẹp hiện ra. Mật cũng đồng thông hội hai thứ hành quả. “Ta lập ra phương tiện là để chúng sanh đắc nhập Phật tuệ, gởi xe báu này, thẳng đến đạo tràng tức là hội hành. Trong đây lập ra hóa thành để đến đảo châu báu là hội quả. Do đó mà trong kinh Thắng-man hiển hội hành quả, Lục xứ chính là vì Đại thừa mà nói, chính là hội hành. Nhị thừa bốn trí chẳng phải là rốt ráo nên gọi là hương đến côi, Niết bàn tức là hội quả. Kinh Thắng-man thì chánh nói nhân quả Nhất thừa. Hội rõ về hành quả mà hội thâm về giáo lý. Kinh Pháp Hoa chánh là hiển bày: Xưa quyền mà nay thật, nên hiển hội giáo lý, khiến cho tu chứng mật

hội hành quả. Do đây Nhất thừa căn cứ ở thật, mà thông hội cả giáo lý hành quả để giải thích chung các vấn đề đối với lý. Cho nên nói hội biệt là nhất. Kinh này chính là nêu nhân quả Nhất thừa làm thể chân thừa, giáo là phương tiện, cho nên không trái ngược. Nay tuy nghĩa ít chưa động đến biến trí, như người ngu hơi biết cũng là tuyệt ở xưa nay. Vậy người trí thức sâu rộng nên tự hiểu rõ.

Trong ba nghĩa thì hai nghĩa đầu giải thích chung về định tánh, tánh bất định. Một nghĩa sau thường y vào tánh bất định .

Đại thừa Vô thượng tuy cũng là Nhất thừa, nhưng không phải điều kinh cần muốn nói nên lược không nói.

### **III. Nói ý nói theo: Nhiếp Đại thừa nói**

*Vì dẫn nhiếp một loại  
Và nhậm trì còn lại  
Do chủng tánh bất định  
Chư Phật nói Nhất thừa  
Pháp, vô ngã, giải thoát  
... Nên chủng tánh khác nhau  
Đắc hai ý lạc hóa  
Rốt ráo nói Nhất thừa.*

Mười nhân trong đây:

1) Dẫn nhiếp một loại chủng tánh bất định của Thanh văn Độc giác, khiến cho nương về Đại thừa nhập Niết-bàn. Cho nên hội Pháp Hoa phần nhiều nói pháp Nhất thừa cho những vị này.

Trong luận Pháp Hoa thì nói: Tâm lui sụt rồi lại phát Bồ-đề tâm do vì các ngài như Thu Tử trước kia đều cầu Đại thừa rồi lui sụt tâm tu tiểu quả, nên gọi là: Thoái rồi lại phát tâm chẳng phải là hạng chủng tánh bất định đều thoái rồi lại phát tâm, nên đây gọi là chủng tánh bất định.

2) Là nhậm trì pháp còn lại. Bất định chủng tánh, tức Bồ-tát Địa tiền Lục trụ trở xuống còn là thoái vị, sợ ở sự tinh tấn của Đại thừa lại hoại, lui sụt dựa vào Nhị thừa mà tám Niết-bàn. Cho nên kinh này nói: Bồ-tát nghe pháp thì lưới nghi đều trừ. Luận này cũng nói: Như lai vì hai thứ người mà giải thích. Hai thứ này đều là chủng tánh bất định. Vì hai thứ này nên Phật nói Nhất thừa.

3) Pháp đẳng: Hành thừa tuy khác mà hướng đến chân như không khác nhau. Cho nên trong luận Pháp Hoa nói cũng đồng với kinh này.

4) Vô ngã: Nếu có Bồ-đặc-già-la chân thật, có thể có thừa khác nhau. Ta đã không khác, nên nói Nhất thừa.

5) Giải thoát: Ba thừa cùng ở trong chướng phiền não mà được hiểu thoát, giải thoát không có sai khác.

6) Tánh khác nhau: Chủng tánh bất định trong Nhị thừa có khác nhau. Thân Thanh văn này có đầy đủ chủng tánh Thanh văn và Phật. Do có tánh này cho nên nói Nhất thừa.

7) Phật cũng đồng tự thể ý lạc với chúng hữu tình. Nói ta tức là kia. Kia tức là ta. Ta đã thành Phật, kia cũng thành Phật.

8) Nhị thừa cũng đồng tự thể ý lạc với Chư Phật. Cùng tên Bồ-tát mà thọ ký riêng. Nghĩa là Phật ở trong hội này cho Nhị thừa thọ ký riêng. Vì giúp cho họ nhiếp được ý lạc như thế. Chúng ta và Phật bình đẳng không hai. Lại trong hội này có các Bồ-tát cùng đồng gọi như họ. Một khi Phật nói thì bao gồm cả hai lợi ích. Nghĩa là Nhị thừa đắc được tự thể ý lạc đồng như Phật. Và các Bồ-tát được thọ ký .

9) Hóa: Như Thế Tôn nói “Tỳ-kheo các thầy, ta nhớ xưa kia, vô lượng trăm ngàn kiếp, y vào thừa Thanh văn mà nhập Niết-bàn. Nói vì sao đã thành Phật, sau lại nương vào Nhị thừa mà đắc nhập Niết-bàn.

Tức vì điều phục giáo hóa Thanh văn. Chư Phật Bồ-tát tự hóa thân mình đồng Thanh văn kia. Ở trong cõi Vô dư y hiện ra nhập Niết-bàn, trải qua trăm ngàn kiếp đam mê rượu vắng lặng nằm say sưa . Sau từ hội kia khởi hiện mà được Phật thọ ký, khiến cho Nhị thừa chủng tánh bất định rõ được bốn tâm và nghĩ rằng: Khi xưa các bậc Trưởng lão nhập Niết bàn, nay đều trở lại khởi hiện nhận vật trao ký, huống chi nay chúng ta không mong cầu quả Phật mà muốn nhập Niết bàn ư! Nay trong hội, các ngài Phú-lâu-na... tức là loại Thanh văn bất định này. lại Pháp Hoa luận chép: Vì giáo hóa Thanh văn mà Phật thọ ký, tức hạng này. Thế nên, cũng vì hàng phục Nhị thừa ngạo mạn. Ta cũng đắc Niết bàn của các thầy, như Kinh Lăng Già nói rộng : A-la-hán nhập Vô dư Niết-bàn, trải qua trăm ngàn kiếp, mê say vị thiên định. Sau đó tỉnh dậy mới phát đại tâm. Điều là chỗ hóa tác của Phật và Bồ-tát. Nếu không như vậy, thật là đã nhập vào vô dư Niết-bàn, thân trí đều tận diệt. Sau từ Vô dư mà khởi sanh pháp nào? Cho nên biết là hóa.

10) Rốt ráo: Do vượt qua Nhị thừa này, ngoài ra không có thừa khác hơn. Nương vào lý rốt ráo thì là thù thắng nhất, cho nên nói là nhất. Nay nương trong hội này, mà luận chỉ có hai hạng người, được thọ ký riêng: Một là tánh bất định; hai là ứng hóa.

Tánh bất định tức là phần ít của nhân thứ nhất, hai và tám nói trên, Ứng hóa tức là nghĩa thứ chín và phần ít khác nói về Nhất thừa, chẳng phải hoàn toàn bác bỏ họ là không có định tánh. Cho nên đối với

người này là mật ý nói Nhất thừa.

Kinh Giải Sâu Mật chép: Tướng, sanh, thắng nghĩa vô tự tánh: Ta đều đã hiển bày như thế. Nếu không biết mật ý này của Phật bèn hoại mất chánh đạo, không thể đến đạo Nhất thừa. Ở trong đây lập ra Nhất thừa chẳng phải là tánh hữu tình không có sai khác, mà đối với định, bất định hữu tánh, vô tánh hợp lại nói là một. Cho nên, kinh Niết-bàn cũng chép: Nhất thừa, nhất đạo, người bốn quả Thánh đều được thành Phật. Nếu không hiểu ý của ta chỉ nên như thế nói là tốt rồi! Nay mười nghĩa nhân này nói: Luận Hiển dương nói sáu nghĩa, luận Trang Nghiêm nói tám nghĩa, đều không ngoài mười nghĩa này, nên không trình bày ở đây.

#### **IV. Nói rõ sự khác nhau**

Kinh này nói Nhất thừa có tướng sai khác với trong kinh Thắng-man, Niết-bàn đã nói. Kinh này có cả lý, trí, Kinh kia thì chỉ Phật tánh. Đây chỉ nhiếp nhập, kia có cả súc sanh. Đây chỉ hữu tánh, kia có vô tánh. Đây chỉ tánh bất định, kia có định tánh. Đây nói nhiều về giáo lý. Kia nói nhiều về hành quả. Đây nói Nhất thừa là thật, Nhị thừa là quyền. Kia nói Nhất thừa là quyền, Bốn thừa là thật. Cho nên trong kinh Thắng-man nói: Nếu Như lai tùy ý muốn kia mà phương tiện nói, chỉ có Nhất thừa không có thừa nào khác v.v... thì có khác với kinh Vô Lượng nghĩa luận chép về Nhất thừa như trong phần giải thích danh tự đã giải thích rộng tướng sai khác ấy, và phần hỏi đáp thứ năm có luận đầy đủ một chương riêng, nay không cần nói đây.

- Kinh: Xá-lợi-phất cho đến Hoặc hai hoặc ba.

- Tán: Đây là phần cho ký, khiến cho trụ vào Nhất thừa, lấy Nhất thừa này vì đại chúng nói pháp, đều không phải Thanh văn thứ ba, Độc giác thứ hai. Từ hơn đến kém đều theo thứ lớp, không lấy việc tu tập cạn sâu khó dễ mà làm thứ lớp, cho nên trong kinh này ở phần thứ nhất có nói: Có hai pháp khác chẳng phải là thật; chu thứ hai nói: Thâm sai hai người; châu thứ ba nói: Vì nơi tạm nghỉ cho nên nói hai không nói là ba, cho nên biết không phải đều không Ba thừa. Chỉ ứng với nghĩa đã nói như ở đây. Hội giáo lý hạnh quả sở tu kia làm nhân đại thừa hiện tại, khuyên trú vào Đại thừa.

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến pháp cũng như thế.”

- Tán: Từ đây trở xuống là nương pháp nói Phật Thích-ca nương theo quy tắc nói pháp của tất cả Chư Phật. Ban đầu nói pháp phương tiện sau nói pháp chân thật, khuyên kia sanh tín, dẫn việc đã thành tựu của Phật khác. Trong đại văn có ba: Đầu tiên nói pháp thức của mười

phương Chư Phật như thế. Kế là nói pháp thức của Chư Phật ba đời như thế. Sau nói Ta do quy tắc này, nên nói pháp cũng như thế.

Tuy lia ba đời, càng không có mười phương, lia mười phương, thì không có ba đời. Vì ngang dọc có khác nên chia ra có khác nhau. Trong Nhiếp Đại Thừa nói: chúng hữu tình trong cõi người là vô số lượng. Niệm niệm đều cho chúng sanh chứng Chánh đẳng Chánh giác, thế không nên chịu thoái chí. Do đây mà Chư Phật hiện tại ở mười phương cũng đồng một, pháp thức

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến một Phật thừa cho đến”

- Tán: Nói pháp thức của ba đời Chư Phật, có hai:

1. Nói riêng về pháp thức ba đời.

2. Kết: Những việc làm đều đồng.

Phần một có ba: Quá khứ; Vị lai; Hiện tại. Trong ba đời, mỗi đời đều có nói hai phần:

a. Pháp thức nói pháp của Phật đều đồng.

b. Chúng sanh được độ đặc đạo đều đồng.

Phần này nói về pháp thức quá Chư Phật của khứ là đồng. Đầu tiên lấy các thứ nhân duyên làm phương tiện nói pháp, vì là sau để được một Phật thừa. Cho nên trong Luận này chép: Phương tiện là quán: Âm, giới, nhập, chán khổ lia khổ trong Tiểu thừa mà được hiểu thoát.

Trong Đại thừa các pháp Ba-la-mật, bốn nhiếp pháp, các pháp đối trị giữ lợi ích cho tự thân tha thân.

Nhân duyên đó là ở trong luận này có sáu nghĩa. Trong nghĩa thứ hai giải thích như đã nói ở phần trước.

- Các thứ nhân duyên: Là pháp Ba thừa. Pháp Ba thừa này, chỉ theo văn tự danh cú mà nói chứ không có thật nghĩa. Vì thật nghĩa kia không thể nói. Ví như lấy từ bò, lấy sữa làm thành tô lạc bỏ sống, bỏ chín, cho đến đề hồ là loại tốt nhất. Tiểu thừa như sữa. Đại thừa là đề hồ. Đây là dụ cho Đại thừa vô thượng. Chư Thanh văn cũng đồng như Đại thừa vô thượng Thanh văn đồng đó là thị hiện tánh đồng của pháp thân Chư Phật. Phàm phu, Thanh văn, Bích-chi-phật, pháp thân cùng bình đẳng không sai khác. Cho nên ở đây thí dụ thị hiện. Ý đây nói là: Phàm phu như trâu. Thanh văn như sữa, Bích-chi-phật như lạc, Tiểu Bồ-tát như bỏ sống. Đại Bồ-tát như bỏ chín, Phật là đề hồ là vị bậc nhất. Phật thừa cũng vậy. Ví như cùng lấy ra từ bò là tánh sữa mà thay đổi lần lần tăng lên cho đến thành đề hồ. Vậy nên từ phàm phu cho đến thành Phật, tướng mạo đều có sai khác, nhưng thể tánh vốn bình đẳng không hai. Nay trong văn kinh này chỉ nêu ra ba câu đây. Luận này giải thích

văn kinh lại có niệm quán. Niệm quán đó ở trong Tiểu thừa là nhân vô ngã v.v... Trong Đại thừa là chân như, pháp giới, thật tế, nhân vô ngã, pháp vô ngã v.v... Trong kinh này lấy phương tiện: Nhân duyên, thí dụ, ngôn từ làm thứ lớp. Luận này giải thích kinh thì lấy: Thí dụ, nhân duyên, niệm quán, phương tiện làm thứ lớp. Nay dẫn ra giải thích, với luận không đồng người học nên hiểu hết.

- Kinh: “ Các chúng sanh ấy cho đến Nhất thiết chủng trí”.

- Tán: Đây là nói về thời quá khứ đã độ chúng sanh đắc đạo đều giống nay. Ban đầu tuy nói vì Nhị thừa mà sau cùng thì nói tất cả đều thành Phật, đắc Nhất thiết chủng trí. Nhất thiết chủng trí tức là Phật chánh trí. Chủng trí riêng biết tất cả pháp, chánh trí tức là xe trâu.

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến một Phật thừa”.

- Tán: Đây nói pháp thức của Phật vị lai cũng giống như xưa nay.

- Kinh: “Các chúng sanh này cho đến Nhất thiết chủng trí”.

- Tán: Đây nói vị lai độ chúng sanh đắc đạo, đều giống xưa nay.

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến một Phật thừa”.

- Tán: Nói pháp thức Chư Phật hiện tại giống như xưa và mai sau.

- Nhiều ích đó là lợi ích. An vui thì cho vui, cứu khổ thì cho vui, cho trí, cho phước, cho quả thế gian xuất thế gian, cho tiểu quả, đại quả, thứ lớp như thế mà phối hợp.

- Kinh: “Các chúng sanh cho đến. Nhất thiết chủng trí”.

- Tán: Đây nói chúng sanh hiện tại đắc đạo đều giống như xưa và sau.

- Kinh: “Xá-lợi-phất... nhập đạo tri kiến Phật”.

- Tán: Đây là kết thúc các việc làm cho chúng sanh đã rốt ráo. Chỉ vì Bồ-tát sẽ thành Phật, trụ vào nhân phát tâm mà khởi tu các hạnh, đều đồng hướng về đại thừa nên đều gọi các pháp mà Bồ-tát, làm đều vì Nhất thừa. Dùng tri kiến Phật chỉ cho chúng sanh giác ngộ chúng sanh kia, là muốn chúng sanh nhập tri kiến Phật. Văn kinh không khai vì lấy nghĩa chung nghĩa chỉ bày như trước luận nay không giải thích. Lại giải thích ngộ là khiến cho chúng sanh ngoại đạo sanh giác ngộ bỏ tà về chánh. Lại giải thích nhập là khiến đắc quả Thanh văn nhập quả đại Bồ-đề mà hồi tiểu hướng đại.

Theo luận này thì: Lần một giải thích khai nghĩa vô thượng. Lần hai giải thích thị chỉ cho thấy đồng cho người có nghi tu hành. Lần ba giải thích ngộ nghĩa không biết để người chưa phát tâm khiến cho phát tâm, người ngoại đạo được giác ngộ. Lần tư giải thích nhập là vào quả

vị bất thối. Người đã phát tâm khiến cho nhập vào pháp, người đắc Thanh văn thì thể nhập vào đại Bồ-đề. Lại theo văn mà giải thích: Lần một hợp với chánh giải thích một đại sự nhân duyên. Lần hai hợp với văn kết nghĩa đại sự. Lần ba hợp với văn nói Phật nương theo các pháp thức của Chư Phật. Luận văn phần nhiều dựa vào văn nói đại sự mà giải thích về lý cũng không sai.

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến Nhất thiết chủng trí.”

- Tán: Ở đây nói: Ta do pháp thức này nên cũng như thế. Chỉ có Phật có các thứ trí lực thắng giải nên biết rõ các ưa muốn của chúng sanh. Phật có Biến thú hành trí lực nên biết sâu tâm chúng sanh mê Đắm nghĩa là ưa chấp trước pháp tu hành, hoặc do hữu tình ưa muốn khởi lên vui đắm. Tức nêu ra sự chấp trước của chúng sanh ở khắp nơi. Cho nên đều là trí lực thắng giải mà Phật biết. Phật Có chủng chủng giới trí lực nên biết rõ bốn tánh đó, tức đã biết các pháp giới thích tu của chủng tánh bất định nên ban đầu nói Ba thừa là phương tiện, nay nói Nhất thừa là rốt ráo, đều vì vì chúng sanh đắc một Phật thừa Nhất thiết chủng trí. Văn trên đều nói đắc một Phật thừa Nhất thiết chủng trí, cho nên biết chủng trí tức là Phật thừa.

- Kinh: “Xá-lợi-phất... Huống chi có ba.”

- Tán: Đây là phần ngăn thứ sáu: Còn không có Độc giác thừa thứ hai, huống chi là Thanh văn thừa thứ ba. Do kinh này nói hạng xe dê, xe hươu vì cầu xe trâu mà ra khỏi nhà lửa, cho nên chỉ nói phá hai mà không nói phá xe trâu. Đây không có Niết-bàn Nhị thừa rốt ráo.

Luận chép không có Nhị thừa đó là không có Nhị thừa Niết-bàn. chỉ có Phật là chứng đại Niết-bàn. Rốt ráo đầy đủ tất cả trí tuệ nên gọi là Đại Niết-bàn. Nghĩa thể của ba việc đều đã đầy đủ. Nhị thừa thì không như thế, chỉ mượn trạch diệt mà không có pháp thân đại trí. Chẳng có Đại Niết-bàn của Thanh văn Duyên giác mà chỉ có một Phật thừa.

Một Phật thừa đó là nương vào bốn thứ nghĩa, như trước đã nói. Luận thì dùng sáu nghĩa trong phần thọ ký phối hợp như trước đã nói. Pháp gì cho đến thể pháp là gì? Gồm năm nghĩa. Những pháp gì là nghĩa thứ nhất trước nói: Người chưa nghe khiến cho nghe, đem pháp chưa từng có khiến cho người nghe. Pháp đó thể nào là nghĩa thứ hai. Trước nói: Đầu tiên dùng các phương tiện thí dụ ngôn từ để nói pháp. Tương tự pháp nào đó là trước phần thứ ba y vào nghĩa gì; chỉ vì một đại sự. Tương pháp nào là pháp thứ tư khiến cho trụ vào Nhất thừa. Tùy theo căn khí chúng sanh mà có Phật tánh, khiến trụ vào Phật pháp. Thể

pháp là gì? Tức nghĩa ngăn thứ sáu, ngăn không có hai thể, chỉ một thể Nhất thừa. Tức là pháp thân bình đẳng của Chư Phật Như lai. Nhân quả Ba thừa, quán hạnh không đồng, có thể có sai khác. Nay nói ngăn đó là ngăn không có thể của hai thứ pháp thân. Pháp thân chân như của Ba thừa đều đồng không phải không có thể Nhị thừa, hay tất cả đều không có lấy nghĩa lý này suy ra thì có thể hiểu. Nếu không vậy thì luận vẫn hơi ẩn ý khó hiểu. Chỉ không có nghĩa thứ năm là pháp thức của Chư Phật. Dùng năm nghĩa lần lượt nêu ra thì có thể hiểu.

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến. Mạng trước”:

- Tán: Y cứ đoạn thứ ba khai ra thật tướng này và mở ra quyền môn kia.

Trong đó có hai: Phần trên giải thích hai phần thọ ký là cho và lấy. Hai đoạn dưới là phá bốn thứ nghi luận nêu ra năm phần, thì phần thứ năm là dứt nghi. Luận chép bốn thứ nghi: Một là nói lúc nào; hai là làm sao biết tăng thượng mạn; ba là vì sao kham nói; bốn là vì sao không thành nói dối. Đây là phá nghi đầu tiên. Luận chép: Chư Phật vào thời nào mà khởi ra phương tiện nói pháp. Nghĩa là Phật ở trong thời nào. Đầu tiên là nói Nhị thừa quyền, sau là nói Nhất thừa thật. Trong đây có hai lời đáp: Đầu là nêu năm vấn đề. Sau nói rõ lý do. Đây nói phần đầu. Nghĩa năm vấn đề là lấy năm môn để phân biệt:

1. Giải thích danh.
2. Nêu thể.
3. Đối trị.
4. Phế lập.
5. Nhiếp nhau.

- *Giải thích danh là*: Trước nghĩa là tạp uế. Như ăn đồ dơ uế thấp hèn đáng bắn gọi là trước. Đây ý nói là: Vào thời kiếp tăng, tam tai dần dần nhẹ bớt phiền não cũng nhẹ. Chúng sanh ác kiến cũng ít, mạng căn tăng tuổi thọ, dần dần hưởng đến tốt hơn, vì đều là tốt đẹp đáng vui thì gọi là thanh. Chúng sanh không có khổ nên hóa Phật không ra đời. Khi hóa Phật ra đời là đến thời kiếp giảm tiểu tai dần hưng khởi, phiền não thêm dày. Chúng sanh làm điều ác nhiễm tà kiến dần mạnh lên, mạng căn dần dần giảm làm các việc ác xấu mà không chán nên gọi là trước. Năm là giải thích theo số, còn giải thích tên khác là trì nghiệp thích. Hoặc dùng riêng để phân biệt với chung, cũng là y chủ thích.

- *Nêu thể là*: Luận Địa Trì chép: Người đời nay phần nhiều đều đoản mệnh, cao lắm là một trăm tuổi. Đó gọi là mạng trước. Đây dùng bốn thức mà nói tức là hạt giống, do nghiệp khởi dẫn ra công năng khác



nhau mà làm thể của mạng căn. Lực của thiện nghiệp yếu nên mạng căn đoản số. Đó là do nghiệp sát sanh chiêu cảm nên.

Nếu chúng sanh không nghĩ đến cha mẹ, không nghĩ đến Sa-môn, Bà-la-môn và tông tộc tôn trưởng, không tu nghĩa lý. Không lo không sợ quả báo nghiệp ác đời nay đời sau. Không tu tuệ trí, không làm công đức không tu trai pháp, không trì cấm giới. Đó gọi là hữu tình trước. Tuy thức thứ tám gọi là hữu tình, Mà nay nói do gần với duyên ác bên ngoài, cho nên năm uẩn giả đó là làm ác không thiện thì gọi là hữu tình trước. Hợp lấy thức thứ tám và năm uẩn làm tánh. Nếu chúng sanh này thêm tham phi pháp, hoặc đem đao kiếm, gây gộc cho người, tranh tụng đấu loạn đua nịnh nói dối, nhiếp thọ tà pháp và các nghiệp bất thiện. Khác thì gọi là phiền não trước. Ngoài năm kiến ra thì tất cả các phiền não tùy phiền não khác đều là thể của phiền não trước. Các việc tham phi pháp, đưa dao cho người... Dẫn đến hành động giết hại, hoặc tiếc rẻ tài vật mà chỉ bỏ đao gậy, nhân đó mà gây ra nhiều loạn tranh đấu, cho đến các việc bất thiện khác, chung nhiếp tất cả phiền não tùy phiền não. Do tánh thường huân tập mà gặp cảnh ác, gây nên phiền não sâu trọng. Nếu ở đời pháp hoại diệt, dần bước sang thời tượng pháp thì tà pháp chuyển sanh. Đó gọi là kiến trước. Đây dùng năm kiến làm thể tánh, phần nhiều gần ngoại đạo ác kiến thường sanh ra. Nếu gặp thời đói khát tật bệnh, đao binh nổi lên thì gọi là kiếp trước. Đây dùng sắc uẩn tứ trần làm thể. Hoặc thông năm uẩn, vẫn lấy bất tướng ứng làm thể. Y vào bốn năm uẩn mà kiến lập, phiền não thêm lớn, ác nghiệp sâu nặng, liền chiêu quả lấy ác, tam tai liền phát sanh. Đối trị là tùy theo tướng mà nói pháp đối trị. Trong Trí Độ luận có lập ra bốn tất đàn, là tông Tất đàn .

1. Thế giới tất đàn.
2. Mỗi mỗi vị nhân tất đàn.
3. Đối trị tất đàn.
4. Bạc nhất nghĩa đế tất đàn.

- Chúng sanh ở kiếp trước dùng thế giới Tất đàn để trị. Phân biệt rõ thế gian, chúng sanh ở thế gian đều là hư huyễn. Nhàm chán tu đạo xa lìa hẳn. Mạng trước thì dùng mỗi mỗi vị nhân tất đàn để trị. Phân biệt biết rõ con người do tu thiện nghiệp mà được, tu trì tịnh giới, hành bất sát mà mạng sống thêm lớn. Hoặc vì người Ba thừa đều nói pháp tự thừa, khiến đắc quả tự thừa Niết-bàn, trừ hết sanh tử trong đời mạng trước. Phiền não trước, kiến trước thì dùng đối trị tất đàn để trị. Tu tập tùy ứng với đạo đối trị, làm cho không còn khởi lên. Do Tam tất đàn phá

trừ được năm vẫn đục, nhập vào Bạc nhất nghĩa, chứng hội chân tông.

- *Nói về phế lập*: Vì sao chỉ lập năm vẫn đục mà không có thêm bớt.

Đáp: Chúng sanh có hai:

a. Ác hạnh: Nghĩa là hạng bạch y tại gia.

b. Tà hạnh: Là người xuất gia ngoại đạo. Người tại gia không có trí tuệ khi phiền não thêm lớn thì gọi là phiền não trước. Ngoại đạo hiểu tà, lãng phí tìm cầu nên xếp vào kiến trước. Lại độn hoặc là phiền não trước, các lợi hoặc gọi là kiến trước. Do hai nhân này nên ly hợp không đồng, lại chia ra hai trước. Hợp hai nội quả gọi là chúng sanh trước, chúng sanh ác. Hợp hai quả bên ngoài gọi là kiếp trước, đầy đủ các ác khí. Kiếp có nghĩa là thời phần. Thời không có thời riêng mà dựa vào pháp làm rõ nên kiếp trước dùng ác khí làm thể. Chúng sanh ác này quả bên ngoài, tuy được nói là chung của hai quả trước, mà chưa nêu ra thể hành của quả ác là gì. Nay hiển bày căn bản cho nên lập ra mạng căn. Hoặc quả của điều ác bên trong gọi là mạng trước, quả của điều ác bên ngoài gọi là kiếp trước. Nhân quả ác này do ai mà có, nghĩa là do chúng sanh ác nên gọi là chúng sanh trước.

Do y cứ vào năm trước này mà tăng thêm hành tướng. Vì khiến cho người sanh nhầm chán cho nên nói riêng có năm.

Hỏi: Vì sao hoặc khổ gọi là chướng, nay tách ra làm trước, nghiệp cũng thuộc về chướng vì sao không xếp vào trước?

Đáp: Chướng là nghĩa phá cả ba đều làm trở ngại, vì trở ngại Thánh đạo. Trước nghĩa là dơ uế, nghiệp có nghĩa trước rất yếu nên không xếp vào trước. Lại trong kiếp đao binh cũng chính là nghiệp trước. Kiếp trước rất rộng, nên từ nghĩa rộng mà đặt tên, chỗ lập cũng không hẹp.

- *Về nhiếp nhau*: thì trong kinh Tát-già-ni-càn-tử lập có mười hai trước:

1. Thị hiện kiếp trước.
2. Thị hiện thời vẫn đục.
3. Thị hiện chúng sanh trước.
4. Thị hiện phiền não trước.
5. Thị hiện mạng trước.
6. Thị hiện ba thừa sai khác trước.
7. Thị hiện cõi nước bất tịnh trước.
8. Thị hiện chúng sanh khó giáo hóa trước.
9. Thị hiện nói các thứ phiền não trước.

10. Thị hiện ngoại đạo loạn trước.
11. Thị hiện ma trước.
12. Thị hiện ma nghiệp trước.

Người Thiện nam! Cõi nước của Chư Phật, đều là công đức xuất thế trang nghiêm, thanh tịnh đầy đủ, không có các trước, như các lỗi lầm ấy, đều là phương tiện thị hiện của Chư Phật. Vì lợi ích chúng sanh mà chỉ nói thị hiện biết nghiệp v.v... cũng có thể xếp vào trước. Mười hai trước này chỉ có trong Đại thừa. Tùy Phật hóa độ hai pháp hơn kém, thị hiện mà lập ra có khai hợp khác nhau. Năm trước đầy đủ căn cứ vào tướng uế độ mà tăng thêm nghĩa tức thông cả đại Tiểu thừa đều có. Kiếp và thời tức là kiếp trước. Chúng sanh và chúng sanh khó hóa độ tức là chúng sanh trước, phiền não và nói các thứ phiền não tức là phiền não trước. Mạng tức là mạng trước. Ngoại đạo loạn tức là kiến trước. Tám trước này là năm trước. Bốn thứ còn lại là ba thừa sai khác, cõi nước bất tịnh, ma và ma nghiệp chẳng thuộc trong năm vẫn đục. Năm vẫn đục căn cứ ở nghĩa mạnh, chỉ thật sự là tạp nhiễm. Mười hai trước là thông ở năng hóa năng chướng là Phật thị hiện. Nếu y theo kinh Tỳ-ni Mầu thì trong năm trước không có kiến trước mà lập ra nghiệp trước. Nếu theo kinh kia thì phiền não và nghiệp mỗi thứ đều có riêng một. trong đó quả chia làm ba:

1. Thể chánh báo gọi là mạng trước.
2. Thể nội báo là chúng sanh trước.
3. Thể của quả bên ngoài là kiếp trước.

Chương y cứ vào loại thì đồng hợp lập thành ba chương, hoặc cùng với pháp chướng. Trước y cứ vào nghĩa như uế, hoặc hợp hoặc là khai, tùy theo căn cơ mà khác nhau. Khiến chúng sanh nhàm chán sợ hãi, không thể làm khó để hỏi. Luận thập địa quyển một nói: Thanh tịnh nghĩa là không trước. Trước có sáu thứ, lìa các trước này thì được thanh tịnh.

1. Trước Bất dục
2. Trước Uy nghi .
3. Trước năm cái.
4. Dị tướng trước - khởi tâm ganh ghét, tâm phá hoại.
5. Trước không đủ công đức: Vì gốc lành kém thiếu, nên trong kinh kia (Pháp Hoa) chép : Tâm không thích trụ.
6. Trước Si : Nghĩa là ngu si. Đây chỉ căn cứ vào hành trước, không chung y vào các pháp.

Có sáu pháp để đối trị là lìa biếng nhác, nghiêm, tịnh, vững chắc,

đầy đủ công đức, đầy đủ trí. Sáu pháp này đối trị nên lập ra sáu trước, không cần hòa hợp. Ngoài ra ở chương khác nói rõ, không nói tiếp đây.

Pháp nhĩ như vậy, Phật ra đời sẽ vào thời năm vẫn đục, cho nên nói Chư Phật ra đời vào cõi đời có năm thứ vẫn đục.

Hỏi: Vì sao Phật Di-lặc đến khi con người thọ tám muôn tuổi mới sanh ra? Phật Thích-ca ra đời vào kiếp thọ một trăm tuổi?

Đáp: Vì nguyên lực khác nhau mà đều ở trong đời trước đều hóa chúng Ba thừa. Trước quyền sau thật, cũng đều là hóa thân. Nếu báo thân và hóa thân Phật không hóa độ chúng Nhị thừa, trước quyền sau thật, thì chưa hẳn thời vẫn đục Phật mới ra đời. Nếu hóa độ Nhị thừa trước quyền sau thật ắt phải ra trong thời vẫn đục để chúng sanh ác khó giáo hóa dần dần nhập vào chánh đạo.

Đây nói trước nghĩa là vào trong kiếp giảm, dần dần phát sanh năm điều này tức gọi là thời vẫn đục. Cho nên Phật Di-lặc. Bắt đầu giảm tám muôn dần dần hướng về năm vẫn đục thì Phật mới ra đời. Thế nên không cần phải đợi khi tuổi thọ giảm còn ba mươi, hai mươi hay còn mười tuổi, kiếp nạn tiểu tai nổi lên thì mới gọi là kiếp trước. Cho nên trong các luận chép: Vào đời kiếp giảm thì Phật ra đời. Kiếp tăng thì vua thánh Chuyển luân ra đời.

Hỏi: Nếu kiếp giảm thì Phật ra đời, kiếp tăng thì Vua chuyển luân ra đời, thì sao Nhượng Khư và Phật Di-lặc cùng ra đời. Lại khi Phật không xuất gia nên làm luân vương, tám vương tử của Nhật Nguyệt Đăng Minh thống lãnh cả bốn thiên hạ.

Đáp: Kiếp tăng thì Nhượng Khư ra đời, vì tuổi thọ lâu dài nên được gặp Phật Di-lặc chẳng phải Phật Di-lặc ra đời vào kiếp không giảm. Lại Phật không xuất gia nên ở ngôi vị Kim luân, chẳng phải nhất định làm. Tám vương tử của Phật Đăng Minh nghĩa cũng đồng như vậy, kia là báo thân nên nghĩa này không sai. Đây là nói kim luân tức khi kiếp tăng mới ra đời, Ngân, Đồng, Thiết Luân Vương ra đời cũng không nhất định. Vì thế mà vua Vô Ưu ra đời một trăm năm sau khi Phật nhập diệt làm Thiết Luân .

- Kinh: “Như Thế Xá-lợi-phất cho đến phân biệt nói là ba”.

- Tán: Giải thích vì sao Phật ra đời trong kiếp có năm vẫn đục.

Nhắc lại năm vẫn đục đã nói ở trước, nên nói là “như thế”. “Lúc kiếp trước loạn” là nêu lại kiếp trước có các nạn đói khát, binh đao, tật bệnh xảy ra, “chúng sanh nhơ nặng” là nhắc lại chúng sanh trước. Cấu là sáu nhơ. Thân tâm ô nhiễm bất tịnh thì gọi là cấu. Tăng cường nan

phá gọi là nặng. Sáu cấu là: Hại, hận, não, siểm, cuống và kiêu. Ở hữu tình ưa thích làm tổn não thì gọi là hại. Do giận rồi kết oán không bỏ thì gọi là hận. Đã nhớ lại việc ác xưa, gặp hiện tại trái duyên tâm lại hung hãn, nói lời hung dữ nguyên rửa gọi là não. Ba điều này lấy sân làm thể. Vì dáng mạo lừa người, hoặc che giấu lỗi mình, hoặc để lấy ý nghĩa khác, giả tạo oai nghi khác thường đua vạy gọi là siểm. Vì muốn được lợi danh giả vờ, hiện tướng mạo như có đức ngụy trá dối gạt người thì gọi là Cuống. Nghĩa là tâm toan tính điều khác, phần nhiều hiện điều không thật tự mình tà mạng. Đây dùng hai pháp tham si làm thể. Đối với những việc thành tựu, sanh sâu tâm đắm nhiễm, ngạo mạn thì gọi là kiêu. Đây dùng tham làm thể. Do chúng sanh nhiễm lục cấu sâu nặng, nên không biết Sa-môn, không tu pháp thiện, gọi là chúng sanh trước, tham lam ganh ghét tức phiền não trước, tham đắm vào tài pháp đã có mà không thí xả gọi là xan (keo lận). Đối với điều chưa đắc được và có đầy đủ lại ham muốn thì gọi là tham, san tuy là do tham điều được hay chưa được mà nhiễm phân biệt, nên chia thành ra hai: quay cuồng danh lợi mình, không chịu người khác vinh dự, ôm lòng ganh ghét phiền hoặc gọi là ganh ghét. Trong nói văn ngọc thiên chép: Hại người hiền gọi là tật, hại sắc gọi là đổ.

- Thành tựu các căn bất thiện là: Căn bất thiện có ba: Là tham, sân si. Do đầy đủ hai nghĩa mà lập ra bất gốc lành.

1. Là căn bản phiền não năng sanh ra pháp khác, phân biệt các tùy, hoặc không được lập.

2. Các lỗi sâu rộng của khắp sáu thức, mạn nghi kiến thì không gọi là bất gốc lành, chỉ ý là thì có. Do đầy đủ hai nghĩa này mà có ba tên gọi bất gốc lành.

Căn có nghĩa là sanh ra, sanh ra duyên ác, cũng tức là phiền não trước. Chỉ nói ba trước mà không nói kiến, mạng trước, là vì kiếp trước nhiếp cả mạng trước do thời đao binh tật bệnh nên mạng sống phần nhiều ngắn ngủi, phiền não trước nhiếp, kiến trước và nêu ra căn bản phiền não bất gốc lành nhiếp tất cả phiền não. Do vào thời này trời, người giảm ít mà đường ác tăng nhiều. Chúng sanh khó đem pháp Đại thừa mà giáo hóa họ được. Nên phải dùng trí phương tiện đem một Phật thừa phân biệt nói thành ba để họ dần dần thể nhập. Thế nên trong kinh nói chỉ khen ngợi Phật thừa, chúng sanh dứt khổ không thể tin thọ, cho nên phương tiện nói.

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến chẳng phải là Bích-chi-phật.

- Tán: Phần này giải thích nghi thứ hai: Như lai đã không vì người

tăng thượng mạn mà nói. Sao biết kia là tăng thượng mạn. Trong văn nói có ba:

1. Chẳng phải là tướng Thánh Nhị thừa chân thật.
2. Nêu tướng tăng thượng mạn.
3. Kết thành tự tướng hai Thánh chân thật.

Đây nói phần đầu:

Người thanh văn, Bích-chi là bậc chân Thánh hưởng tịch. Nếu gặp Phật thì đều không còn mê pháp. Vì tánh bất định nên có thể hồi tâm. Bất luận gần xa đều có thể nghe biết việc Phật giáo hóa Bồ-tát. Tự cho là nhị Thánh thật mà được gặp Phật, đều không nghe biết việc giáo hóa Bồ-tát, thì chẳng phải là đệ tử Phật, cũng chẳng phải là nhị Thánh chân thật.

- Kinh: “Lại Xá-lợi-phất cho đến đều là người tăng thượng mạn”.

- Tán: Đây nói về tướng tăng thượng mạn, phàm phu đắc tứ thiền, chưa ra khỏi nhiễm trong tam giới, tự cho là nhị Thánh chân thật là thân A-la-hán cuối cùng được Niết-bàn rốt ráo, tâm không cầu chánh giác, không tín hưởng. Đó là tăng thượng mạn.

- Kinh: “Vì sao cho đến không có việc ấy”.

- Tán: Đây là phần kết thành tự tướng hai Thánh.

- Chỉ là bậc chân Thánh mà gặp được ta là hưởng tịch. Phần nhiều là người không ngu pháp. Tuy không thể thật hành mà nghe cũng tin. Chủng tánh bất định, lý tín tu học gọi là nhị Thánh chân thật. Nếu người này không tin thì không có việc ấy, chẳng phải đạo lý. Người hưởng đến vắng lặng không thể chứng nhập. Đầu tiên còn chưa tin nên gọi là tổn hại sợ sệt, trở lại đạo sanh nghi sau sẽ sanh tin nhận không còn ngu pháp. Cho nên đây kết luận rằng người kia không tin Nhất thừa thì không có việc ấy.

- Kinh: “Sau khi Phật diệt độ hiện tiền không có Phật.”

- Tán: Giải thích nghi thứ ba: Làm sao có thể nói, nghĩa là có nghi là: Nghe Phật nói pháp mà khởi tâm phỉ báng. Vì sao Như lai không thành tựu cho không thể nói pháp cho người? Ý này nói là: Cũng có hai Thánh chân thật và hưởng vắng lặng, mà người ngu nghe pháp khởi tâm chê bai, cũng không nghe biết việc giáo hóa Bồ-tát. Tức Thế Tôn không thể hóa độ. Vì sao Phật không thành tựu không thể nói pháp cho người? Đã thành không kham nói pháp cho người, trái lại kết rằng: Vì sao Đức Thế Tôn có thể vì chúng sanh mà nói pháp, mà xưng là chủng trí?

Cho nên Phật đáp: Trừ sau khi Phật diệt độ hiện tiền không có Phật. Tuy sự thật hưởng tịch mà gặp Phật, phần nhiều không còn ngu pháp, đều nghe biết việc giáo hóa Bồ-tát. Nếu không gặp ta mà thú hưởng vắng lặng, có ngu đối với pháp nên không thể biết được chỉ giáo hóa Bồ-tát. Văn này có ba:

1. Nêu
2. Giải thích
3. Kết thành.

Đây là nói phần đầu.

- Kinh: “Vì sao? cho đến người ấy khó được”

Tán: Đây là giải thích phần nêu trước. Sau khi ta diệt độ, vì người không có duyên lành, khéo dùng phương tiện dẫn dụ, các người thú hưởng tịch diệt thì phần nhiều ngu đối với pháp, đối với các kinh này thọ trì giải nghĩa là ít có đạt được, không hiểu ý, cho nên sau khi ta diệt độ có nhị Thánh chân thật không nghe không biết chỉ giáo hóa Bồ-tát.

- Kinh: “Nếu gặp Phật khác cho đến liền tỏ ngộ”.

- Tán: Đây là phần kết thành tựu ở nghĩa trước. Người ngu pháp này sau khi Ta diệt độ, lại gặp Phật khác dùng phương tiện nói pháp hóa độ, đối với pháp này liền được liễu ngộ cũng có thể biết việc chỉ giáo hóa Bồ-tát. Nếu không gặp Phật thì không biết. Cho nên nay chẳng phải Phật không kham nổi nói pháp cho họ.

Luận Du-già chép: Nếu đã kiến lập thức A-lợi-da, nương vào cõi vô sắc, thì cũng nhập diệt định. Tin có Tàng thức không dứt bật. Hoặc nghi này chẳng phải nghi thú hưởng tịch diệt, mà chính là nghi tăng thượng mạn. Đã không hóa độ được thì vì sao nói Đức Thế Tôn không thành tựu không thể nói pháp cho người. Đây giải thích: Ta còn tại thế thì hóa độ được, trừ khi ta diệt độ thì không.

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến chỉ một Phật thừa”.

- Tán: Phần dưới đây giải thích nghi thứ tư. Trước nói Ba thừa, nay nói là một. Nay nói pháp khác vì sao lại nói lời Đức Thế Tôn không có luống dối cho nên Phật nói:

- Ta đã chứng giải, ông hoàn toàn không biết. Hành vị chưa đến thì chỉ nên nhất tâm tin lời ta nói. Ông phát tâm thì trước phải có niềm tin. A-la-hán hồi tâm phải trải qua hai muôn kiếp. Đầu tiên cho đến ba đại A-tăng-kỳ kiếp chứng địa vị sơ tín tâm. Chỉ nên tin chờ sanh nghi ngờ. Lời Phật không dối, lý chỉ có Nhất thừa. Chủng tánh Bất định cuối cùng thành tựu quả trí, cũng chỉ có một thừa mà không có hai thừa. Luận Bát-nhã nói: Phật nói bốn việc không có luống dối là: Bồ-đề,

thọ ký, Tiểu thừa, Đại thừa. Ở đây chính là Đại thừa và thọ ký thành ra không có luống dối. Phẩm này phần đầu khen ngợi pháp mẫu nhiệm và Pháp sư mẫu nhiệm. Đã có phần định nghi, ở phần định ký có bốn nghi này. Nghi đầu tiên sanh ở phần thọ ký. Ở thời nào nói phương tiện trước, sau nói lý chân thật. Nghi thứ hai sanh ở phần nhận lời thọ ký. Có người tăng thượng từ chỗ ngồi bỏ đi. Vì sao biết như vậy? Nếu dựa vào giải thích đầu thì nghi thứ ba sanh ở nhân thọ ký, tâm Phật vốn đã định vì hai hạng người mà nói không vì kẻ ngu pháp, nên sanh từ nghi này. Vì sao có khả năng nói? Nếu y theo giải thích sau thì cũng được thọ ký thượng sanh. Nghi thứ tư đối với tất cả thượng sanh. Sơ nói, hậu nói đều là trái ngược, nói vì sao lại không thành nói dối.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế Tôn cho đến Ưu-bà-di chẳng tín.”

- Tán: Dưới có một trăm hai mươi mốt hàng tụng. Ba hàng tụng sau xếp vào đoạn thứ tư khuyến phát hỷ tâm khiến cho biết việc thành Phật. Tức một trăm mười tám bài tụng, tụng phần thứ ba của văn xuôi trước khai ra thật tướng này mà mở ra quyền môn kia. Ở đây chia làm hai: Một trăm mười lăm hàng đầu tụng hai việc thọ ký trước, ba hàng tụng sau tụng phá bốn nghi. Trong phần đầu lại chia làm hai, bốn hàng đầu nhận lấy ký khiến người ác bỏ đi. Một trăm mười một hàng sau tụng thọ ký cho. Trong bốn hàng đầu: Một hàng trước tụng tăng thượng mạn. Ba hàng sau tụng tội căn sâu nặng, bốn hàng thứ lớp tụng: Mạn, phạm, phú, chướng. Đây là hàng tụng về mạn: Người xuất gia lấy việc chứng đạo làm đầu. Chứng ít cho là nhiều. Thường khởi tăng thượng mạn, nam tử ở thế gian phần nhiều hay chấp trước ngã, cao tâm tự thị nên sanh ra ngã mạn. Người Nữ thế tục phần nhiều lại tự ty không nương vào thắng đạo. Số ít thì chấp việc thuận theo bè bạn, nên cũng ôm lòng chẳng tín.

- Kinh: “Bốn chúng như thế cho đến đối với giới có thiếu sót”.

- Tán: Hàng tụng về phạm giới trong ba hàng tụng gốc tội sâu nặng: Là phạm giới, phú tội, pháp chướng riêng biệt. Đây nói về phạm giới, phạm ít thì khuyết, phạm nhiều thì lậu là đáng chê trách; phá hoại giới là khuyết, hoại kiến là lậu. Hoặc khi phiền não lậu khởi lên mà vẫn không kiến giác, tự thị cố cao. Trong giới đã nói: Trừ kẻ tăng thượng mạn tự cho là đã chứng Thánh, mới phạm trọng tội, nên tội này càng thêm tội. Không là Thi la thì không thanh tịnh, nên Tam-muội không thể nhiếp hiện tiền. Nay nói phạm giới tức là nói tướng chung, không phạm biết tướng phạm.

- Kinh: “Yêu tiếc giữ lợi mình cho đến uy đức Phật phải đi.”



- Tán: Phú tội: Trong ngọc có vết là hà. Ngoài ngọc có vết là tỳ. Người phạm giới cũng vậy. Thế gian chê bai như tỳ, bên trong tạo tội như hà lỗi thân ngữ như Tỳ, tức là khuyết vậy. Phạm giá tội gọi là Tỳ, Như ngoài ngọc có vết nên gọi là Tỳ. Người đối với pháp có bệnh phiền não như ngọc có tỳ vết, dụ như pháp hợp lại mà nói. Tỳ đó là bị bệnh cho nên hộ tiếc mà không bày tỏ, che lỗi mình gọi là tà là rất nặng nề. Vỡ ngoài của gạo gọi là khang nhẹ, nên vô dụng. Không những trí nhỏ mà còn trái pháp tự hành vì uy lực của Phật nên mới bỏ đi, sợ họ nghe pháp mầu sẽ chê bai mà thêm tội. Đối với họ việc nghe pháp này không lợi ích nên Phật dùng uy lực để họ bỏ đi.

- Kinh: “Người này ít phước đức cho đến. chỉ có các chân thật”.

- Tán: Là pháp chướng. Xưa tạo hết pháp nghiệp, pháp chướng ở thân, không kham nổi nghe pháp, nên nói là ít.

- Kinh: “Xá-lợi-phất khéo lắng nghe cho đến vì chúng sanh mà nói...”

- Tán: Đoạn thứ hai một trăm mười một hàng tụng thọ ký cho . Ở văn xuôi có sáu nay cũng chia làm sáu:

1. Sáu hàng tụng về nói.
2. Bảy hàng rưỡi tụng khiến trụ.
3. Một hàng rưỡi là tụng về ngăn.
4. Mười tám hàng rưỡi tụng y vào những nghĩa gì?
5. Bảy mươi hàng rưỡi tụng về y pháp.
6. Bảy hàng cuối tụng về người chưa nghe khiến cho nghe.

Trong sáu pháp khác nhau trước sau khác nhau. Cho nên tụng rằng: Sáu nói, bảy rưỡi trụ, tiếp một rưỡi tụng ngăn, mười tám rưỡi những gì, bảy mươi và bảy rưỡi.

Trong sáu hàng đầu chia làm hai: Bốn hàng rưỡi đầu tụng giải thích lý do trong kinh. Một hàng rưỡi sau tụng phần tùy nghi nói, ý thú khó hiểu ở phần nêu trước. Bốn hàng đầu lại chia làm ba:

- Một hàng tụng vô số phương tiện.

- Hai hàng tụng các thứ nhân duyên thí dụ, ngôn từ tức là thí dụ, nhân duyên, niệm quán, phương tiện.

- Một hàng rưỡi tụng giảng nói các pháp.

Trong phần văn xuôi trước nêu Chư Phật tùy nghi mà nói. Trong giải thích rằng: Ta dùng vô số phương tiện. Nay tụng giải thích: Pháp sở đắc của Chư Phật có vô lượng phương tiện lực, tức trước và sau đều rõ ràng, tự tha cùng nói đủ cũng không trái ngược.

- Kinh: “Tâm của chúng sanh nghĩ cho đến khiến tất cả vui

mừng.”

- Tán: Tụng các pháp nhân duyên. Trong đây có hai: Hàng đầu tụng biết căn cơ, hàng sau tụng nhân duyên thí dụ. Biết tâm nhớ nghĩ và đạo hành của chúng sanh là biến hành trí lực. Các dục là các thứ thắng giải trí lực. Các tánh là các thứ giới trí lực.

Nghiệp thiện ác đời trước là xứ phi xứ và tự nghiệp trí lực. Nói Phật có năm trí lực các thứ niệm quán là có thể biết năm thứ chúng sanh này. Dùng các phương tiện ngôn từ thí dụ nhân duyên để nói pháp đều khiến vui mừng. Giải thích nguyên nhân các ngôn từ nói ở trước.

- Kinh: “Hoặc nói Tu-đa-la... cho đến Kinh Ưu-ba-đề-xá.”

- Tán: Một hàng rưỡi tụng: Giảng nói các pháp. Y vào các nơi mà nói thứ lớp mười hai bộ kinh.

Một là Khế kinh, kinh gọi là Tu-đa-la.

Hai là Ứng tụng, kinh gọi là Kỳ-dạ.

Ba là Ký biệt, trong kinh này không có.

Bốn là Phúng tụng, kinh gọi là Già-đà.

Năm là Tự nói, kinh này không có.

Sáu là Duyên khởi, kinh gọi là Nhân duyên.

Bảy là Thí dụ.

Tám là Bốn sự.

Chín là Bốn sanh, ba tên đều đồng như kinh đây.

Mười là Phương quảng, kinh này không có.

Mười một là Hy pháp, kinh gọi là Vị tầng hữu.

Mười hai là Luận nghị, kinh gọi là Ưu-ba-đề-xá kinh.

Trong nghĩa này lấy ba môn để phân biệt: Một là biện về tướng; hai là giải thích danh; ba là phân biệt.

Nói về tướng là: Trong Khế kinh có hai tướng: Một là tướng chung, hai là tướng riêng.

Kinh Niết bàn chép: Từ “Tôi nghe như vậy đến vui mừng vâng làm”. Tất cả đó gọi là Tu-đa-la. Nhiếp cả mười hai bộ gọi là tướng chung. Dùng giáo xuyên suốt lý và nhiếp chúng sanh, cho nên trong luận Đối pháp nói: Nghĩa là dùng văn xuôi kết nối lược nói những nghĩa đáng nói thì gọi là Khế kinh, đây chỉ có văn xuôi gọi là tướng riêng. Kệ tụng bèn chẳng thuộc về Khế kinh riêng. Ứng tụng có hai tướng: Một là lợi ích cho phần sau, hai là hiển rõ trước chưa liễu nghĩa. Luận đối pháp... chép: Trong các kinh hoặc ở giữa hoặc ở sau dùng tụng tụng lại nghĩa văn xuôi trước nên gọi là lợi ích về sau.

Lại nói kinh không rõ nghĩa, lại dùng bài tụng để giải thích. Văn

xuôi tuy nói nghĩa mà chưa rõ nên gọi là hiển rõ chưa liễu ở nghĩa trước. Kinh Niết-bàn chỉ nói một trong các nghĩa đầu. Ký biệt có ba tướng:

- 1) Thọ ký nhân quả sanh tử của đệ tử.
- 2) Thọ ký rõ ràng về nghĩa sâu mật.
- 3) Thọ ký Bồ-tát đương lai thành Phật.

Đối pháp Luận chép: Nơi ấy các Thánh đệ tử đã chấm dứt ở thời quá khứ, thọ ký vì công đức, lỗi lầm riêng biệt, và nơi sanh sai khác. Đây là thọ ký nhân quả sanh tử của chúng đệ tử.

Lại nói: Trong kinh Liễu Nghĩa nói tên ký biệt. Ghi nhận riêng khai mở chỉ cho thấy nghĩa sâu kín. Tức đây rõ ràng thọ ký nghĩa sâu kín này. Vì vậy trong Luận này chép thọ ký có bốn: Tâm chắc chắn, nhân, lấy và cho thọ ký v.v...

Kinh Niết-bàn chép: Như lai thọ ký cho các Đại nhân : “A-dật-đa ở đời vị lai có vua tên là Nhưưng Khư, ông ở trong thời này thành Phật, tên là Di-lặc”. Đó là kinh Ký Biệt. Đây là thọ ký thành Phật đương lai.

- Tướng Phúng tụng: Trong Luận Hiển Dương nói trong các kinh chẳng phải chỉ văn xuôi là nói thẳng. Nhưng dùng một câu mà kết thành. Hoặc lấy hai câu, ba câu, bốn năm sau câu mà nói, đều là phúng tụng. Tướng Tự nói: Du-già chép: Kinh đó không nói việc thỉnh, mà Phật vì muốn chánh pháp trụ đời lâu dài. Vì chánh giáo trụ lâu nên không ai thỉnh mà Phật vẫn nói, đều gọi là tự nói. Duyên khởi có ba tướng.

1. Do thỉnh mà nói.
2. Do phạm mà chế giới
3. Do sự mà nói pháp.

Luận Đối Pháp nói: Nhân duyên là do thỉnh mà nói.

Lại có nhân duyên mà chế lập ra học xứ, tức hai nghĩa đầu gọi là duyên khởi.

Kinh Niết-bàn chép: Như nguyên nhân căn bản trong các kinh kệ, như nước Xá-vệ có một người giăng lưới bắt chim, được rồi liền thả ra.

Đức Thế Tôn biết nhân duyên trước sau nên nói kệ rằng:

*Chớ khinh lỗi nhỏ  
Cho là không tội  
Giọt nước tuy nhỏ  
Dần dần chậu lớn.*

Đó gọi là duyên khởi. Tức là phần nhân sự nói pháp thứ ba.

- Tướng thí dụ: Luận Du-già chép: Trong kinh luật có nêu thí dụ để nói các pháp.

- Tướng Bốn sự là: Luận Du-già chép: Trừ nói các việc bốn sanh của Phật thì nói các việc hoặc của người hoặc của pháp ở đời trước.

Kinh Niết-bàn chép: Chỉ nói các pháp đã qua như Phật ra đời nói pháp thì gọi là Giới kinh. Câu-lâu-tần Phật thì gọi là Cam-lồ-cổ. Câu-na-hàm Mâu-ni Phật thì gọi là pháp kính. Thời Phật Ca-diếp thì gọi là phân biệt không không nói về người xưa mà căn cứ sự thật chung.

Tướng Bốn sanh là: Luận Hiển dương nói nghĩa là ở trong đó giảng nói đời quá khứ của Đức Thế Tôn, mỗi mỗi phương sở kia hoặc sanh hoặc tử, hành Bồ-tát hạnh làm những hạnh khó làm, gọi là Bốn sanh. Trong kinh Niết-bàn chỉ nói thân đời trước của Bồ-tát mà không nói các hạnh làm xưa của Bồ-tát. Như làm nai làm gấu làm chồn làm thỏ... cho đến làm kim sí điểu.

Phương Quảng có hai tướng:

1) Nói Bồ-tát đạo.

2) Pháp rộng nhiều. Thật là cao lớn nên thời dài xa. Trong Thanh văn cũng nói Phương Quảng. Nay nói hai nghĩa đầy đủ trong Niết-bàn làm chánh:

- Tướng Hy pháp: Trong các kinh giảng nói các công đức cộng, bất cộng chủ Phật, Thánh đệ tử, bát bộ chúng vốn có các pháp khác thường đặc biệt tối thắng khác, đó là Hy pháp. Trong kinh Niết-bàn chỉ nói các sự về Phật, như Phật khi mới sanh ra liền đi bảy bước, phát ra ánh sáng chiếu soi khắp mười phương. Khi vợ đàng mật, chó trắng đến nghe pháp. Ma biến thành trâu xanh đi qua bát gạch, khiến xúc chạm nhau mà không làm thương tổn. Chỉ nói các việc ít có của đệ tử và không phải đệ tử, nên gọi là Hy pháp.

Luận nghị có hai tướng:

1. Phật tự nói.

2. Đệ tử nói.

Luận Du-già nói các kinh điển là Ma-đát-lý-ca. Tất cả kinh liễu nghĩa đều gọi là Ma-đát-lý-ca. Nghĩa là Đức Thế Tôn rộng phân biệt các pháp tướng. Lại như Thánh đệ tử đã thấy dấu tích chân thật, y vào tự sở chứng không đảo điên phân biệt thể tánh các pháp. Đây cũng gọi là Ma-đát-lý-ca. Cũng gọi là A-tỳ-đạt-ma. Nay đây tạm dẫn văn bao gồm nghĩa mười hai bộ kinh trên. Ngoài ra còn các giáo chuyên nói... sợ văn nhiều nên không nói tiếp đây.

Giải thích tên gọi: Trước giải thích tên chung. Các vị tiên đức dịch ra làm mười hai bộ kinh. Bộ bao gồm hai nghĩa:

Bộ trật và bộ loại. Đây là bộ loại vì nghĩa loại mười hai bộ có sai

khác. Người xưa nghi nói mười hai bộ trật kinh (pho kinh). Do đây mà Đạo sĩ nói ba mươi sáu bộ. Học trò Lão Trang mỗi bộ làm riêng một bộ. Nay nói mười hai phần giáo, phần là phần đoạn. Văn nghĩa sai khác có mười hai phần đoạn. Lại nói kinh đó là lạm nói Khế kinh. Nay dịch là: Giáo có mười hai gọi chung lại không còn lạm dụng nhau. Đây là đời số thích .

Giải thích tên. Gồm có ba thứ: Ứng tụng, Phúng tụng, Tự nói, Duyên khởi, Hy pháp, Phương quảng. Sáu tên này chỉ y vào chủ mà giải thích. Nên trùng thuật lại cho đến nói rộng về lý. Một loại luận nghị chỉ là trì nghiệp giải thích. Thể của luận tức là nghị. Hoặc phúng tụng cũng là trì nghiệp thích. Có khi phúng, có khi tụng, không đồng ứng tụng. Bài tụng kia là giáo. Tụng này là đọc, nói: Năm tên gọi gồm Khế kinh, Ký biệt, Thí dụ, Bốn sự, Bốn sanh thông cả hai giải thích là Trì nghiệp và Y chủ. Năng khế tức là kinh, khế lý của kinh, cho đến bốn thể tức là sanh, sanh của đời trước. Sai khác có hai: Thể khác nhau, và Giáo khác nhau. Thể khác nhau đó là trong ứng, tụng nhất định không có phúng tụng. Trong phúng tụng nhất định không có ứng tụng. Trước sau khác nhau nên đơn, kép cũng khác nhau. Trong Bốn sự nhất định không có bốn sanh. Trong bốn sanh nhất định không có bốn sự. Thầy trò đều khác nhau, bốn bộ này chỉ đầy đủ mười một, tám bộ khác thì đầy đủ cả mười hai, tùy nó thích ứng mà có các tướng sai khác trước nói. Kinh Niết-bàn chép: “Từ như thị cho đến. cuối cùng là phụng hành” đều là Tu-đa-la, nên thông cả mười hai, tướng riêng thành không có, chỉ lấy văn xuôi làm Khế kinh, hai thứ kệ bèn chẳng phải, còn lại bảy giáo đều đủ cả mười hai. Y theo đây có thể biết. Trong ứng tụng có đầy đủ cả mười một là phẩm Thí dụ nói: “Xá-lợi-phất đời sau thành Phật Phổ Trí, tôn hiệu là Hoa Quang, độ vô lượng chúng sanh,” tức là có Ứng tụng ký biệt vậy. Trong Ứng tụng cũng có tự nói, phẩm Phương tiện nói: “Bạc Thế hùng không lường. Chư thiên và thế nhân cùng tất cả chúng sanh đều không thể biết được Phật.” Tức là Ứng tụng của tự nói vậy. Trong Ứng tụng cũng có duyên khởi, phẩm Phương tiện nói: “Xá-lợi-phất lắng nghe! Pháp sở đắc của Chư Phật thì vô lượng, dùng phương tiện lực mà vì chúng sanh nói” pháp, là Ứng tụng của nhân duyên, tức vì ngài Thu Tử thỉnh mà Phật nói pháp. Trong Ứng tụng cũng có thí dụ: “Ví như trưởng giả có ngôi nhà lớn. Nhà này đã lâu đời, mà lại hư nát v.v...”. Đây là Ứng tụng có phần Thí dụ. Trong Ứng tụng cũng có Bốn sự, phẩm Tự nói: “Sau khi Phật kia diệt độ, người biếng nhác đó là ông, Diệu Quang pháp sư nay chính là thân ta”. Đây tức là Ứng tụng

của Bốn sự vậy. Trong Ứng tụng cũng có Bốn sanh, phẩm Thường Bất Khinh nói: “Thường Bất Khinh kia nay là thân ta.” Đây tức là Ứng tụng của Bốn sanh. “Trong Ứng tụng cũng có Phương quảng, phẩm Phương tiện nói: Trong mười phương Cõi nước, chỉ có pháp Nhất thừa, không hai cũng không ba, trừ Phật Phương Tiện nói,” tức là Ứng tụng của Phương quảng. Trong Ứng tụng cũng có Hy pháp. Phẩm Hóa thành nói: “Đức Phật Đại Thông Trí Thắng trải qua mười kiếp ngồi tại đạo tràng. Phật pháp không hiện tiền, không thể thành Phật đạo,” tức là Ứng tụng của Hy pháp. Trong Ứng tụng cũng có luận nghị. Phẩm Thọ lượng nói: “Chúng sanh đã tin phục, ý mê mông ngay thẳng, nhất tâm muốn thấy Phật không tiếc cả thân mạng. Bấy giờ ta và chúng tăng đều ra khỏi núi Linh thú. Ta bây giờ nói với chúng sanh là ta thường ở lại đời mà không diệt, dùng lực phương tiện, nên hiện ra diệt hay không diệt.” Đây tức là Ứng tụng của luận nghị. Còn ba giáo khác đều có đủ cả mười một, y theo đây nên biết.

Nhưng trong kinh này có đủ mười hai phần, một bộ đều là tướng chung của Khế kinh. Trùng tuyên lại nghĩa này đều là Ứng tụng. Thỉnh Phật vì thọ ký, giải thích chỗ nghĩa sâu. Trong phẩm Hóa thành, thì Phạm thiên ở phương Đông dùng kệ tụng:

*“Thế Tôn thật ít có.  
Khó có thể gặp được.  
Đủ vô lượng công đức  
Đều cứu hộ tất cả v.v...”*

Đều là phúng tụng. Đầu phẩm Phương tiện, tức là phần tự nói. Bài kệ trước nói: Không ai hỏi mà Phật tự nói, khen ngợi đạo sở hành. Ngài Thu Tử ba lần thỉnh, Di-lặc ba lần thỉnh... chỗ nói về quyền thật đều là duyên khởi. Trong phẩm Thí dụ đều dùng Thí dụ nói việc quá khứ của chúng đệ tử, đây là bốn sự. Tự nói việc quá khứ của Phật là bốn sanh. Nói Nhất thừa xứ là Phương quảng. Nói hiện thân thông xứ là Hy pháp. Trong phẩm Thọ lượng, Phật nói tướng của ba thân có thể gọi là luận nghị.

- Giáo khác nhau là:

1) Đại có đủ mà tiểu thì có chín. Tức là văn kinh này. Tiểu thừa chỉ không có ba phần: Thọ ký, tự nói, và Phương quảng, mà không chướng ngại Đại thừa có mười hai phần.

2) Tiểu có đủ mà đại có chín. Kinh Niết-bàn quyển ba nói: Hộ trì Đại thừa là thọ trì chín bộ. Đại thừa trừ ra nhân duyên, thí dụ, luận nghị mà không chướng ngại Tiểu thừa có mười hai phần.

3) Đại có đủ mà tiểu có mười một: Du-già quyển ba mươi tám nói: Một phần Phương quảng chỉ ở tạng Bồ-tát, các phần khác có tạng Thanh văn.

4) Đại một mà tiểu mười một: Du-già quyển tám mươi lăm nói, trừ một phần Phương quảng, các phần khác gọi là Thanh văn thừa, tương ứng với Khế kinh.

Vì sao văn này nói Đại có đủ mà tiểu có chín. Y vào phần thọ ký đệ tử thành Phật gọi là thọ ký, nói Thanh văn không có vì trước chưa cầu đại Bồ-đề. Cũng như đưa của báu cho người ngu thì người ngu liền cười. Thanh văn nghe Phật thọ ký cũng vậy, cho nên nói là không, chẳng phải thọ ký, các việc sanh tử đã qua của các đệ tử cũng không. Lại Thanh văn thừa phần nhiều nghe pháp nông cạn, nếu không đợi thĩnh mà nói thì tâm kiêu mạn của họ liền phát sanh. Nói không có tự nói mà thật ra cũng có.

Lại thanh văn chỉ chứng tiểu quả mà không đắc Chánh giác, lý không đến chỗ tột cùng hành không rộng lớn. Nói không có Phương quảng, thật ra cũng có, chánh pháp Phương quảng mà trình bày rộng . Thế nên trong bài tụng này chỉ vì Thanh văn mà nói chín bộ, lý thông cả mười hai.

Trong kinh Niết-bàn nói Tiểu có đủ mà Đại có chín: Do phạm mà chế giới gọi là nhân duyên, Bồ-tát không phạm nên lược nói không có. Chẳng phải là không có nhân thĩnh, nhân sự duyên khởi mà Phật nói pháp. Phạm nói thí dụ so sánh để khai mở cho người rung căn, hạ căn. Còn ngài Thu Tử là người lợi căn thượng phẩm, phần nhiều còn không đợi thí dụ, huống chi là Bồ-tát. Phần nhiều không đợi nên nói là không. Theo lý cũng có.

Lại Đại Bồ-tát tánh đều là lợi căn, nêu tông liên hiểu, không đợi hỏi thĩnh, mới sanh tuệ tâm. Nói không có luận nghị, lý thật chẳng phải không có. Lại người hộ pháp phần nhiều tụng tạng Tố-đất-lãm. Duyên khởi, thí dụ phần nhiều là tạng điều phục. Luận nghị phần nhiều thuộc tạng Đối pháp. Cho nên nói đại chỉ có chín. Theo lý là chẳng phải không đủ mười hai. Du-già quyển ba mươi tám chép: Đại có đủ Tiểu chỉ có mười một. Tiểu thừa cũng thọ ký cho đệ tử và không đợi thĩnh mà Phật vì lòng từ bi nói pháp. Đây có đủ phần ký biệt và tự nói, cho nên có mười một phần. Không có Phương quảng đó là không cầu Chánh giác, vì nói lý thô thiển nên không có, mà thật cũng có.

Du-già quyển tám mươi lăm, văn không khác với trước. Nhưng lấy mười một mà nói là Thanh văn. Đối với Phương quảng mà nói là

Bồ-tát, chẳng phải trong tạng Bồ-tát không có mười một nghĩa kia. Điều là tùy theo một nghĩa riêng biệt mà nói số không đồng. Lý thật thì hai tạng Thanh văn Bồ-tát đều có đầy đủ mười hai phần. Nay tùy theo cần thiết, lại lược ra phân biệt. Ngoài ra, nghĩa giải thích rộng như trong chương nên biết.

- Kinh: “Căn độn ưa pháp nhỏ cho đến vì đó nói Niết-bàn.”

- Tán: Một hàng rưỡi tụng lại phần: Tùy cơ nghi nói, ý thú khó hiểu ở văn xuôi trước.

Lược nói thì có năm nghĩa:

- 1, Độn căn khó ngộ.
- 2, Thích tiểu sợ đại.
- 3, Đam mê sanh tử, không mong ra khỏi.
- 4, Gặp duyên không tu.
- 5, Hiện tự tại nhiều khổ ép ngặt.

Do năm nghĩa này mà Phật nói Niết-bàn. Vì độn căn nên đắm trong sanh tử. Tuy có gặp Phật đã từng được hóa độ, mà không hành đạo Đại thừa sâu mầu. Do làm ác nên lại chịu khổ. Vì khuyên học xa lìa khổ nên đầu tiên Phật nói Niết-bàn của Nhị thừa.

Cho nên phẩm Tín giải chép: Đầu tiên gặp Phật, thoát dòng sanh tử, sau hóa độ Nhị thừa, cũng đồng như thế.

- Kinh: “Ta lập ra phương tiện cho đến sẽ được thành Phật đạo.”

- Tán: Phần thứ hai có bảy hàng rưỡi tụng, thứ tư của văn xuôi là khiến cho trụ. Trong đây chia làm bốn:

- Một hàng tụng là nêu
- Một hàng giải thích.
- Bốn hàng rưỡi tụng ở hội này.
- Một hàng khuyên trụ.

Đây nói phần đầu: Trước lập hai quyền để khiến cho rốt ráo, nhập vào tuệ Phật, trụ pháp Nhất thừa.

- Kinh: “Sở dĩ chưa từng nói cho đến chắc chắn nói Đại thừa.”

- Tán: Đây một hàng giải thích hội nêu ra ở trước “Ông căn tánh chưa thuần thực, chưa ngộ Đại thừa, nên không thể nói. Nay ông căn tánh thật đã thuần thực chính là phải lúc nên nói ra”.

Cũng như phẩm Hóa thành chép “Các Tỳ-kheo! Nếu Như lai tự biết khi Niết-bàn đến. Chúng lại thanh tịnh, lòng tín hiển vững chắc, hiểu rõ pháp không, nhập sâu thiền định. Liền nhóm họp chúng Bồ-tát và Thanh văn lại để nói kinh này. Thế gian không có hai thừa mà được diệt độ, chỉ một Phật thừa mà được diệt độ thôi.”



- Kinh: “Chín bộ pháp này của ta cho đến vì thế nói này”.

- Tán: Đây là bốn hàng tụng rưỡi về hội. Trong chia làm ba:

- Một hàng tụng tiểu pháp chẳng phải là chân, nói đại thừa làm gốc.

- Một hàng tụng đại pháp thắng diệu vì người thù thắng mà nói.

- Hai hàng tụng kết thành tựu người, pháp thắng diệu, khuyên bỏ người pháp không diệu. Đây nói về phần đầu. Vì thuận theo sơ cơ mà nói chín bộ này, vì nhập vào đại thừa làm gốc, chẳng phải là rốt ráo, nên nói là trụ Đại thừa.

- Kinh: “Có Phật tử tâm tịnh... vì nói kinh Đại thừa.”

- Tán: Nói kinh Đại thừa thắng diệu là vì người thù thắng mà nói. Khuyên bỏ pháp yếu, chớ thành người ác, tất cả hàng Bồ-tát đốn ngộ tiếm ngộ đều là Phật tử. Đều có năm đức:

Một là tâm tịnh. Chuyên cầu trí tuệ Đại thừa của Phật. Chẳng phải ưa thích thấp kém chỉ trừ hai chương.

Hai là mềm mỏng: Tâm nhẫn nại chịu khó, có thể làm đại nghiệp, tinh cần không dứt.

Ba là lợi căn: Tánh phần nhiều thích cứu khổ ban vui cho người. Tất cả đều bình đẳng nghe pháp mau ngộ nhập.

Bốn là vô lượng: Từng gặp duyên lành, ở chỗ Chư Phật mà rèn luyện bản thân.

Năm là hành đạo sâu mầu, đều tu phước tuệ, khuôn báu giác chân.

Kinh phát Bồ-đề tâm nói đầy đủ mười pháp có thể phát tâm Bồ-đề.

1. Gân gũi bạn lành.
2. Cúng dường Chư Phật.
3. Tu tập gốc lành.
4. Chí cầu thắng pháp.
5. Tâm thường mềm mỏng.
6. Gặp khổ chịu đựng được.
7. Từ bi thuận hậu.
8. Sâu tâm bình đẳng.
9. Yêu thích Đại thừa.
10. Cầu trí tuệ Phật.

Mười pháp này đều nhiếp năm đức trên:

- Tâm tịnh nhiếp hai câu: yêu thích Đại thừa, cầu trí tuệ Phật.

- Mềm mỏng nhiếp hai câu: Tâm thường mềm mỏng, gặp khổ chịu đựng được.

- Lợi căn nhiếp hai câu: Từ bi thuận hậu, sâu tâm bình đẳng.

- Chỗ vô lượng Phật nhiếp hai câu: gần gũi bạn lành, cúng dường Chư Phật.

- Hành sâu mầu thông nhiếp hai câu: Tu tập gốc lành, chí cầu thắng pháp.

Có đầy đủ năm đức này mới thành tựu mười pháp, mới vì họ mà nói Đại thừa khiến cho phát hướng tiến đạo.

- Kinh: “Ta thọ ký người như thế cho đến vì nói Đại thừa”.

- Tán: Kết thành hai pháp thắng diệu khuyên bỏ hai không phải diệu.

Thọ ký người năm đức đời sau thành Phật. Dùng tâm tâm niệm Phật mà tu trì tịnh giới.

Niệm Phật có hai:

1) Ngữ niệm.

2) Tâm niệm.

Hoặc tâm duyên vào việc Phật mà nguyện cầu mong thành. Trí niệm lý thân, cầu chứng diệt chướng. Định tuệ đã vậy lại trì tịnh giới, thành tựu ba học, nên Phật thọ ký. Các pháp này do nghe mà thuận tâm Phật, cho nên vui mừng, Phật biết rõ tâm chúng nên nói cho nghe pháp Đại thừa.

- Kinh: “Thanh văn hoặc Bồ-tát cho đến đều thành Phật không còn nghi”.

- Tán: Đây khuyên nên trụ. Khen ngợi lợi ích nghe pháp, khuyên trụ vào Đại thừa.

- Kinh: “Trong cõi Phật mười phương cho đến dẫn dắt chúng sanh.

- Tán: Đây là phần thứ ba một hàng rưỡi tụng về nghĩa thứ sáu nói ngăn văn xuôi không hai đó là không có Độc giác thừa thứ hai, không ba là không có Thanh văn thừa thứ ba. Từ hơn đến kém Phật thừa là đầu. Đây căn cứ vào chân lý mà không có hai cực thừa, trừ phương tiện mà nói. Trong phương tiện nói có ba. Mượn ba tên để dẫn dắt chúng sanh. Mượn dụ xe dê xe hươu để đưa chúng sanh ra khỏi nhà lửa, chẳng phải thật có hai. Vì muốn độ chúng sanh nên đây nói hai thừa. Niết-bàn Bồ-đề đều không có thật thể, cùng gọi là giả danh. Nhưng Niết-bàn có thể chứng mà phược được dứt trừ. Chúng trí không thành vì không giác nên hóa thành nên vào để tạm dứt khổ. Có tên xe hươu xe dê mà không

bước lên.

Hỏi: Ba việc gọi là Đại Bát, chỉ đắc giải thoát mà nói nhập vào thành. Nhị không trí là xe trâu, chỉ đắc sanh trí mà lên xe dê xe hươu?

Đáp: Giải thoát dứt các khổ mới gọi là vào Hóa thành. Hai thừa không có chủng trí nên không lên xe dê xe hươu. Lại Nhị thừa giải thoát đồng nghĩa dứt khổ, kia cũng phần đắc nên cùng được gọi vào thành chủng loại chân trí, chỉ có Phật là viên thành. Tuy cũng phân đắc mà không gọi là lên xe; về lý thật, sự không có khác nhau. Lại nhân quả hoặc chướng kia đều trừ. Giải thoát hóa thành mà gọi là tạm vào. Nhân quả trí chướng kia không diệt, thì hai xe chủng trí không nói là lên.

- Kinh: “Nói trí tuệ Phật cho đến cứu giúp chúng sanh”.

- Tán: Phần thứ tư có mười tám hàng rười tụng nghĩa thứ ba của văn xuôi, y vào nghĩa gì? Trong chia làm hai:

- Một hàng rười nêu một đại sự.

Mười bảy hàng tụng mở bày ngộ nhập.

Trí tuệ Phật như trước nói hợp lại có năm thứ: Ở đây thường nói hai pháp Quả Phật. Bồ-đề, Niết-bàn, trí tánh, tuệ dụng hợp lại gọi là trí tuệ. Hoặc chỉ có chân trí mà không lấy chân như. Phật ra đời vì nhất Phật tuệ khiến chúng sanh ưa thích chỉ đây là một thật, là cực quả rốt ráo, vô thượng thắng diệu. Thể của Nhị thừa chẳng phải là chân cực, rốt ráo thắng diệu. Cho nên trong văn dưới dùng năm độ trước để so sánh với kinh này, không nói Bát-nhã. Cuối cùng không dùng Tiểu thừa để độ sanh. Hoặc một việc này phần nhiều nói trí tánh. Trong kinh Niết-bàn nói, Sự tử rống nói. Phật tánh tức là không, không tức là trí tuệ. Do đây mà trí tánh cũng gọi là trí tuệ. Nay phần nhiều dùng giải thích đầu làm chánh. Nhị thừa không có nên đã nói hai pháp còn lại chẳng phải chân. Thế nên biết không phải là phá tam mà là gom ba về một.

- Kinh: “Phật tự trụ vào Đại thừa cho đến dùng đó để độ sanh...”.

- Tán: Mười bảy hàng dưới tụng mở bày ngộ nhập. Trong đây chia làm bốn:

Một hàng đầu tụng về khai, năm hàng tụng về ngộ, một hàng tụng nhập, mười hàng tụng thị.

Đại thừa hợp với chân lý chánh trí. Giả là nơi thân Phật hằng ở yên trong Niết-bàn Bồ-đề này nên gọi là trụ. Trụ có nghĩa là nơi nương tựa an vui, sở đắc chỉ là chân lý pháp thân. Hoặc Đại thừa đó chỉ lấy chân lý, chánh trí chứng hội chân lý gọi là trụ. Vì pháp thân muôn đức này đầy đủ đức tánh chân thật. Cho nên báo thân Phật như chân lý pháp thân Phật chứng, lại dùng vô lượng định tuệ để trang nghiêm. Định tức

là phước. Tuệ tức là trí, nhiếp trì hết tất cả công đức hữu vi. Trong sâu tận đến chân lý, Niết-bàn đã tròn đầy, chân trí bèn sanh, phước tuệ trang nghiêm đầy đủ. Bồ-đề công đức cũng đầy đủ tròn đầy. Cho nên dùng hai pháp khai ở chúng sanh nên gọi là độ. Hiện bày hai thể tánh là Vô thượng khiến người sanh lòng ưa thích.

- Kinh: “Tự chứng đạo vô thượng cho đến. Việc này là không thể...”

- Tán: Có năm hàng tụng về ngộ chia làm ba phần:

Một hàng rưới tụng bình về đẳng.

Hai hàng rưới tụng về đức cao quý.

Một hàng về ngộ.

Vô thượng đạo là chánh trí là thắng, tức nói thông suốt cả hai nơi.

Vô thượng Đại thừa là chân lý cao siêu. Điều bình đẳng không có năng nhận, sở nhận không có tự tha ta và vật khác nhau. Lại Đại thừa tức vô thượng đạo là vận dụng tốt đẹp. Phật đã chứng lý trí đều bình đẳng thì đâu còn phân biệt có hai là tự, tha, vật và ta? Nội trí nếu không bình đẳng, tự giữ Đại thừa. Ngoại trí không bình đẳng để người giữ Tiểu thừa, thì rơi vào pháp bòn sẻn. Hoặc tham cầu danh lợi chưa dứt. Đâu gọi là chứng đắc Chánh giác, Đại thừa vận dụng tất cả, đây là không thể được!

- Kinh: “Nếu người tin quy Phật... mà riêng không kính sợ.”

- Tán: Hai hàng rưới tụng nói lên thắng đức. Có hai:

- Một hàng tụng rưới nói về bên trong lìa nhiễm, không có đức sợ hãi.

- Một hàng sau tụng: Ngoài hiện trang nghiêm, nói về công đức của thật pháp.

Như người mới tin Phật là sơ phát tâm, quy y Phật rồi sau tu chánh hạnh, Như lai không vì sự khinh bạc chê bai mà không trao Đại thừa thuần hóa Tiểu thừa, cũng không vì lừa dối họ đầu tiên nói cho đại sau không cho. Vì sao? Vì Phật không tham tiếc Đại thừa lừa dối mà không cho. Cũng không có tâm ganh ghét sợ người chứng Đại thừa mà đối gạt. Do dứt hết ác trong tất cả pháp. Ác là phiền não nghiệp khổ, pháp ác sanh tử đã dứt trừ hẳn. Đã không có các việc như trên mà chánh trí tròn đầy. Cho nên trong mười phương đều không còn sợ mà làm tiếng sư tử rống. Ta là bậc Nhất thiết trí, Nhất thiết kiến, bình đẳng hóa. Nếu có các việc ác trên thì trí chưa cùng, quả chưa viên. Làm sao trong mười phương có thể làm tiếng rống vô úy. Thế nên người thế tục có nói: Cha

nghe con khỏe mạnh, hận là không giết thân. Bên ngoài vì sao lẫn tiếc, nên không tham ganh.

- Kinh: “Ta dùng tướng trang nghiêm thân cho đến vì nói ẩn thật tướng.”

- Tán: Hiện ngoài trang nghiêm, nói đức của pháp thật. Hình hài tướng tốt, thân tướng trang nghiêm. Thân sáng trí sáng lại cùng chiếu sáng, chiếu sáng khí thế gian và chúng sanh. Do đây mà mọi người đều tôn kính, gọi ta là Thế gian giải. Nếu bên trong có nhiễm thì ngoài không có tướng này. Ngoài hiện tướng này, rõ ràng trong không nhiễm, nên nay ta nói thật tướng ẩn. Thật tướng ẩn là lý Đại thừa hai không. Dùng lý ẩn này mà ẩn Đại giáo. Đại giáo chắc chắn cao siêu, thật chẳng phải quyền, như trong Tiểu thừa nói ba pháp ẩn, ẩn định giáo pháp.

- Kinh: “Xá-lợi-phất nên biết cho đến như ta đây không khác.”

- Tán: Đây là hàng tụng về ngộ.

Ông nên như ta ngộ rõ những điều không biết về Đại thừa chân trí. Ta xưa lập thệ nguyện, khiến cho tất cả chúng sanh không khác với ta. Nguyện khiến cho giác ngộ, nguyện dùng tín, dục, thắng giải làm tánh.

- Kinh: “Như Ta xưa đã nguyện cho đến đều khiến nhập Phật đạo.”

- Tán: Đây là một hàng tụng về nhập. Nay quả đã mãn theo như tâm nguyện xưa kia, nên hóa độ chúng sanh nhập vào Phật đạo. Đạo là nghĩa nhân, khiến nhập vào Bát địa hoặc nhân của Sơ địa trở lên địa vị không lui sụt.

- Kinh: “Như ta gặp chúng sanh cho đến mê hoặc không thọ giáo...”

- Tán: Đây trở xuống mười hàng tụng, nói về thị. Chia làm hai:

Tám hàng đầu tụng về thị khác nhau ban đầu.

Hai hàng tụng về Thị sau trở lại đồng.

Tám hàng đầu lại có ba:

- Một hàng tụng về ý khác nhau.

Sáu hàng tụng về tướng khác nhau.

Một bài tụng về kết khác nhau.

Như dạy chúng sanh đều dùng Đại thừa. Người trí có thể như vậy. Người ngu vô trí thì lầm học, loạn hành, tâm mê không tin, sanh nghi hoặc phỉ báng, trở lại cùng tăng ác hạnh không thể lãnh thọ, ví như thuyền lật ở cao trở thành mắc cạn. Do đây trở lại làm tăng thêm lỗi người ngu. Cho nên, không thể chỉ dùng pháp Đại thừa dẫn hóa cho họ

được.

Kinh: “Ta biết chúng sanh này cho đến Si ái nên sanh nào...”

- Tán: Trở xuống sáu hàng tụng về Thị tướng khác nhau. Trong đây chia làm hai:

- Một hàng tụng đầu là nói vì không có thiện, mà có ác nên khác nhau.

Năm hàng sau giải thích nghĩa trên cho nên khác nhau.

“Chưa từng tu gốc lành”, tức là gốc lành phương tiện xuất thế. Từ vô thí tuy có khởi mà phần nhiều tối kém, chỉ sanh đắc thiện mà không có nhân vô lậu. Do chấp vào năm cảnh, chấp chặt không bỏ. Lấy đây làm duyên si liền phát nghiệp, ái liền nhuận sanh. Do đó mà tất cả khổ não của sanh già bệnh chết càng thêm lớn. Do không có phương tiện thiện bốn xuất thế, lấy hai nghiệp si ái làm nhân cho mình, chấp vào cảnh ngũ dục không chịu buông bỏ. Phát nghiệp vô minh phần nhiều do mê trong mà ra, nhuận sanh tham ái, phần nhiều duyên năm dục mà sanh. Nay căn cứ vào dục giới phát nghiệp vô minh mà nói chung, trùng ở một chỗ.

- Kinh: “Bởi các dục nhân duyên cho đến. Đời đời thường thêm lớn.

- Tán: Năm hàng tụng giải thích vì có ác không thiện nên không đồng. Trong đây có hai:

Bốn hàng tụng đầu vì có ác nên khác nhau.

Một hàng tụng sau vì không thiện nên khác nhau.

Bốn hàng đầu lại có hai:

Một hàng rưỡi: Do đắm vào ngũ dục tục trần nên khác nhau.

Hai hàng rưỡi tụng câu tà xuất ly, học hạnh lầm loạn nên khác nhau. Do tham dục cho nên thuận khởi ra nghiệp bất thiện, đọa vào đường ác. Do tạp nghiệp nên luân hồi trong lục thú thọ đủ các khổ não. Tứ sanh sanh trưởng thấy đều có nghiệp. Ba khổ, tám khổ, năm khổ ép buộc. Đây là chỉ nói một đời hiện khổ. Cho nên nói thọ thai hình nhỏ, đời đời thường thêm lớn. Nhỏ nghĩa là yếu, thai là thai tạng. Bất tịnh ràng buộc bên trong thật đáng chán ghét sự sanh nhỏ yếu kém.

Luận Du-già chép: Lúc mới thọ sanh vốn ở thân trung hữu. Thân trung hữu dài nhất thì bảy ngày mạng chung. Nhiều nhất là không qua bốn mươi chín ngày trụ. Người gây ra nghiệp ác thì thân trung hữu như ánh lửa chớp trong đêm tối. Người làm nghiệp lành như chiếc áo trắng sáng hoặc đêm trong sáng. Tùy theo nơi sẽ sanh trụ mà sẽ thấy đồng loại và nơi sẽ sanh ra không bị ngăn ngại. Gây ra nghiệp ác thì mắt thấy

điều bất tịnh cúi xuống mà đi. Người được sanh cõi trời thì ngược mắt lên trên. Sanh xuống cõi người thì hướng bên mà đi. Nếu tạo bất luật nghi thì đọa vào địa ngục thấy đồng loại xưa, ưa thích vượt chạy bên bị níu kéo lại. Cảnh ngạ quỷ bằng sanh cũng vậy. Còn các tạp nghiệp khác thì tùy theo nghiệp thiện ác sanh trưởng về nơi nào, ở đó cha mẹ tùy người nam hay người nữ mà sanh ra buồn vui. Tùy chỗ sẽ sanh mà bám lấy di thể của cha mẹ lúc mê mờ thì bị câu ngại, trong bảy ngày đó gọi là Yết thích lam. Đây gọi là tạp uế, cha mẹ bất tịnh cùng hòa hợp lẫn lộn. Thật là nhàm chán xấu xa gọi là uế. Nếu đã động thành chất lỏng bên trong thì trong mười bốn ngày gọi là Át-bộ-đàm, đây gọi là bào, hình dáng như hạt đậu bao bọc, bên trong như lạp chưa thành thịt. Trong hai mươi mốt ngày gọi là bế hộ, đây gọi là ngưng kết, cũng như cục huyết đặc.

Người Tây Tạng gọi huyết là bế hộ. Nếu đã thành cục thịt nhưng vẫn mềm thì trong hai mươi tám ngày gọi là kiện nam, Hán dịch là ngưng hậu, vì dần kết dày thêm. Nếu đã cứng dày thì ít chịu xúc chạm trong ba mươi lăm ngày gọi là Bát-la-xa-khư, đây gọi là hình vị, cũng như Nê đoàn (cục bùn). Năm phần tướng nối liền thân và tứ chi. Ở trong gió hướng ngoại tạo lấy hình tướng sai khác của sanh căn. Tức cục thịt trước kia thêm lớn các chi phần mà hiện ra tướng. Trong tuần thứ sáu gọi là phát mao đảo vị, sanh ra tóc lông. Tuần thứ bảy gọi là cụ căn vị, năm căn đầy đủ hiện ra rõ ràng. Đến đây cho tới khi thai tròn ba tháng, mọi thứ đều thành tựu. Nếu không thêm bớt, như thế trải qua ba mươi tám tuần thai bắt đầu tròn đầy. Sau đó bốn ngày đầu thai nhi hướng xuống dưới, hai chân hướng lên, bao thai xé ra, cửa sanh ép buộc, các sự đau lúc này càng dữ dội. Hoặc do nghiệp trước người mẹ ăn tro muối làm cho tóc tai con thưa thớt. Hoặc người mẹ ăn đồ nóng, khiến con có sắc đen hoặc đỏ khi sanh ra. Mẹ ăn đồ lạnh hoặc gần nhà lạnh con phần nhiều trắng bệch. Mẹ dâm dục thì con bị ghẻ lở. Mẹ ưa nhả nhót uy nghi không ngay thẳng thì con tứ chi khuyết giảm. Nam thì ở hông phải dựa vào xương sống hướng ra xương sống, nữ ở hông trái dựa từ bụng hướng ra bụng. Tùy theo cha mẹ sanh ái nhiễm, đầu tiên bám theo chất bất tịnh của cha mẹ cho là thân mình, sau dùng bất tịnh của mẹ để nuôi lớn. Hiện duyên đã như vậy cho nên nghiệp bất thiện, trăm điều ác cảm lấy ba mươi sáu vật bất tịnh làm thể, thân ác như thế không đáng ưa thích, trôi lăn không cùng, gọi là đời đời thêm lớn.

- Kinh: “Người đức mỏng ít phước cho đến Tâm siểm khúc không thật.

- Tán: Đây là hai hàng tụng về cầu tà xuất ly, học hạnh lầm loạn cho nên không đồng, một hàng rưỡi tụng về khởi ra tà kiến thân biên thành sáu mươi hai kiến, một hàng tụng sau do khởi kiến giới thủ mà hoặc nghiệp sanh ra. Hoặc hàng tụng đầu chung khởi ra cả năm kiến, một hàng rưỡi sau tụng khởi riêng về năm kiến. Chúng sanh kia từ đời vô thủy đến nay vì đức mỏng phước ít nên chịu thống khổ ép buộc. Tuy muốn thoát ra mà không hiểu rõ tà chánh, lầm rơi vào chỗ ngoại đạo không có chánh kiến. Học hành sai lầm nên gọi là tà kiến. Năm kiến đều là tà kiến. Đây dựa và khoa sau, không phải cần bác bỏ không có mới là tà kiến. Phiền não tà kiến làm câu ngại chúng sanh, khó thoát ra khỏi không thể giải thoát nên gọi là như rừng dày đặc. Đây là kiến chung sau là nói hiển riêng. Hoặc có hoặc không v.v... ở đây có hai giải thích. Ý vào khoa sau thì tứ kiến trong năm kiến là hữu nên đều chấp vào hữu. Tà kiến chấp là không, nên phần thường bác bỏ không. Đây là hiển bày các thứ phiền não. Nếu dựa vào khoa đầu thì rừng tà kiến dày đặc là tà kiến bác bỏ không. Nếu có thì chấp vào thân sau của ta là có tức thường kiến. Nếu không thì chấp hậu thân là không tức đoạn kiến. Hai chấp này gọi là biên kiến là thủ thân kiến, kiến thủ, giới thủ. Do sáu mươi hai kiến dùng tà kiến biên kiến làm tự thể nên nêu riêng. Lấy hai kiến khác làm quyến thuộc. Nướng vào thân kiến lấy làm căn bản.

Thế nào là sáu mươi hai kiến, tụng rằng:

*Hai bốn tám mươi kiếp  
Kiến sanh tử nghiêng thường  
Phạm đại chủng tâm khác  
Hý phần nhuế một phần  
Có sắc có biên thủy  
Các sanh tử tưởng địa  
Một thứ tiểu vô lượng  
Thuần vui đều có tưởng  
Tức hữu sắc biên thày  
Sanh vô tưởng đều không  
Người trời dục, cõi sắc  
Bốn vô sắc đoạn diệt  
Chết ở trời vô tưởng  
Tâm từ chấp không nhân.  
Nhớ trên dưới bàng đều.  
Kiếp hoại có biên thủy.  
Sợ vô tri hành siểm*



*Ôm ưu não kiểu loạn  
Người dục thiên dục lạc.  
Niết-bàn bốn tinh lục.*

Các kiến hoặc này, trải qua từ nhiều đời quá khứ nhiếp đến tận cùng vị lai và trải qua đời hiện tại nay chung cả ở hai cõi mà xếp vào biến một phần. Còn bốn mươi bốn phần khác đều xếp vào kiến hậu tế. Sáu mươi hai kiến này các kinh luận đều nói thuộc về hai biên là biên kiến, tà kiến. Bao nhiêu kiến thuộc về biên kiến trong bốn hữu đều có một phần mà thành ra mười sáu. Vô tướng thì đều chẳng phải tám, bảy đoạn đều là biên kiến. Tức hai thứ vô nhân kia thì tà kiến biên kiến loạn đều có bốn, năm kiến Niết-bàn luận đều thuộc về tà kiến. Do chấp thân ngã mà khởi ra ngã kiến, khởi ra như thế mà thành sáu mươi hai kiến. Sau đó khởi ra các pháp kiến thủ chấp kiến là thắng là nhân, lại khởi ra các giới chấp thủ chấp giới v.v... là nhân là thắng. Chấp vào các pháp đối này không chịu buông bỏ. Ngã mạn tự thị, khoe khoang cống cao mà xem thường người khác. Với thầy thì đua nịnh khen ngợi lấy lòng để cầu danh lợi như vậy tâm làm sao hội nhập thật. Tham dục chấp tà như vậy làm sao có thể kham việc giáo hóa người, giữ gìn Đại pháp.

- Kinh: “Trong ngàn muôn ức kiếp cho đến người như thế khó độ.

- Tán: Một hàng tụng không thiện nên khác nhau.

Người thiện đều tu bốn hạnh gần gũi.

1) Gần gũi bạn lành.

2) Lắng nghe chánh pháp.

3) Như lý tư duy.

4) Đúng như lời dạy tu hành.

Những người ác này trải qua trăm muôn ức kiếp không nghe tên Phật, thì làm sao gần gũi được tất cả bạn lành, đã không thấy Phật cũng không nghe pháp. Đã không có văn tuệ là nhân đầu tiên nhập pháp thì tư duy tu tập lý cũng không đắc được. Người như thế thật là ít có độ, làm sao đầu tiên tức giáo Đại thừa!

- Kinh: “Vì thế Xá-lợi-phất cho đến chỉ cho đó Niết-bàn...”

- Tán: Đây là phần kết khác nhau. Do như thế mà Phật lập ra phương tiện. Đầu tiên mở bày Niết-bàn, khiến cho dứt khổ.

- Kinh: “Ta tuy nói Niết-bàn... Mở bày pháp ba thừa .”

- Tán: Ở trên nói đầu tiên khác nhau hai bài tụng này mở bày sau khiến cho đồng, khuyên bỏ thân giải thoát mà giữ lấy pháp thân Phật. Chỗ nói về Niết-bàn Nhị thừa cũng như Hóa thành không phải diệt thật.

---

Pháp từ vô tử tánh thể vốn thường tịch, tức tự tánh thanh tịnh Niết-bàn. Tánh ly ngôn từ, pháp chẳng phải ngày nay mới có. Như Đảo châu báu mới chình là diệt thật. Diệt thật đã vậy, cho nên hành đạo rồi đến đời vị lai chứng pháp bốn tánh diệt này mà thành tựu Phật đạo. Trí tuệ của ta khéo dùng phương tiện. Đầu tiên chia ra hai quyền sau chỉ một thật. Gọi chung là mở bày pháp ba thừa.

